

MỤC LỤC

Trang

PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

- | | | |
|-----------|---|---|
| 05-8-2013 | Quyết định số 27/2013/QĐ-UBND về thực hiện Nghị định số 49/2010/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2010 của Chính phủ quy định về miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập và cơ chế thu, sử dụng học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân từ năm học 2013 - 2014 đến năm học 2014 - 2015 trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. | 3 |
| 06-8-2013 | Quyết định số 28/2013/QĐ-UBND về điều chỉnh tăng mức hỗ trợ cho cán bộ có trình độ đại học và bổ sung đối tượng được hỗ trợ đối với cán bộ có trình độ cao đẳng công tác tại các Hợp tác xã Nông nghiệp trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. | 8 |

PHẦN VĂN BẢN KHÁC

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

- | | | |
|-----------|--|----|
| 02-8-2013 | Quyết định số 4178/QĐ-UBND phê duyệt Đề cương Quy hoạch Báo chí Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2025. | 10 |
|-----------|--|----|

07-8-2013 Quyết định số 4226/QĐ-UBND về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành về an toàn thực phẩm thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân quận - huyện, Ủy ban nhân dân phường - xã, thị trấn trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. 29

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 10

05-8-2013 Quyết định số 6116/QĐ-UBND về công bố văn bản hết hiệu lực thi hành. 52

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP

23-7-2013 Quyết định số 5800/QĐ-UBND về việc công bố văn bản hết hiệu lực thi hành. 55

PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 27/2013/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 8 năm 2013

QUYẾT ĐỊNH

Về thực hiện Nghị định số 49/2010/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2010 của Chính phủ quy định về miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập và cơ chế thu, sử dụng học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân từ năm học 2013 - 2014 đến năm học 2014 - 2015 trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2005; Luật sửa đổi, bổ sung một điều của Luật Giáo dục ngày 04 tháng 12 năm 2009;

Căn cứ Nghị quyết số 35/2009/QH12 ngày 19 tháng 6 năm 2009 của Quốc hội về chủ trương, định hướng đổi mới một số cơ chế tài chính trong giáo dục và đào tạo từ năm học 2010 - 2011 đến năm học 2014 - 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 05/2005/NQ-CP ngày 18 tháng 4 năm 2005 của Chính phủ về đẩy mạnh xã hội hóa các hoạt động giáo dục, y tế, văn hóa và thể dục thể thao;

Căn cứ Nghị định số 49/2010/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2010 của Chính phủ quy định về miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập và cơ chế thu, sử dụng học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân từ năm học 2010 - 2011 đến năm học 2014 - 2015;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 29/2010/TTLT-BGDĐT-BTC-BLĐTBXH ngày 15 tháng 11 năm 2010 của Bộ Giáo dục và Đào tạo - Bộ Tài chính - Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 49/2010/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2010 của Chính phủ quy định về miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập và cơ chế thu, sử dụng học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân từ năm học 2010 - 2011 đến năm học 2014 - 2015;

Căn cứ Thông tư số liên tịch số 29/2011/TTLT-BGDĐT-BTC ngày 15 tháng 7 năm 2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo - Bộ Tài chính về hướng dẫn thực hiện chi hỗ trợ ăn trưa cho trẻ em năm tuổi ở các cơ sở giáo dục mầm non theo quy định tại Quyết định số 239/QĐ-TTg ngày 09 tháng 02 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em năm tuổi giai đoạn 2010 - 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 12/2013/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2013 của Hội đồng nhân dân thành phố về thực hiện mức thu học phí theo Nghị định số 49/2010/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2010 của Chính phủ “Quy định về miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập và cơ chế thu, sử dụng học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân từ năm học 2013 - 2014 đến năm học 2014 - 2015”;

Xét đề nghị của Sở Giáo dục và Đào tạo tại Tờ trình số 1688/TTr-GDDĐT-KHTC ngày 29 tháng 5 năm 2013 về Nghị định số 49/2010/NĐ-CP của Chính phủ ngày 14 tháng 5 năm 2010 quy định về miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập và cơ chế thu, sử dụng học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân từ năm học 2012 - 2013 đến năm học 2014 - 2015 trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay ban hành quy định về miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập và cơ chế thu, sử dụng học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân từ năm học 2013 - 2014 đến năm học 2014 - 2015 trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh theo Nghị định số 49/2010/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2010 của Chính phủ, như sau:

1. Về phạm vi, đối tượng điều chỉnh:

Các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên, trung cấp chuyên nghiệp, cao đẳng, đại học trực thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Về nguyên tắc:

Mức học phí đã bao gồm tiền cơ sở vật chất, vệ sinh được áp dụng từ năm học 2013 - 2014; các năm học sau mức thu học phí sẽ được điều chỉnh tăng theo chỉ số giá tiêu dùng tăng bình quân hàng năm 5% do Bộ Kế hoạch và Đầu tư thông báo và đạt gần bằng mức trần theo khung của Nghị định số 49/2010/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2010 của Chính phủ vào năm học 2014 - 2015.

3. Về mức thu học phí:

a) Đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên:

- Đối với học sinh trường chuyên, lớp chuyên:

+ Lớp chuyên: không thu học phí;

+ Lớp thường: thu theo mức học phí phổ thông cùng cấp.

- Mức học phí được chia thành hai nhóm đối tượng tại Thành phố Hồ Chí Minh như sau:

+ **Nhóm 1:** Học sinh các trường trên địa bàn các quận nội thành (quận 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, Bình Thạnh, Phú Nhuận, Gò Vấp, Tân Bình, Tân Phú, Thủ Đức và Bình Tân).

+ **Nhóm 2:** Học sinh các trường trên địa bàn các huyện ngoại thành (huyện Bình Chánh, Hóc Môn, Củ Chi, Cần Giờ và huyện Nhà Bè).

MỨC THU NĂM HỌC 2013 - 2014

Đvt: đồng/học sinh/tháng

Cấp học	Mức học phí mới năm 2013 - 2014	
	Nhóm 1	Nhóm 2
Nhà trẻ	150.000	90.000
Mẫu giáo	120.000	60.000
Tiểu học	Không thu	
Trung học cơ sở	75.000	60.000
Bổ túc trung học cơ sở	112.000	90.000
Trung học phổ thông	90.000	75.000
Bổ túc trung học phổ thông	135.000	112.000

MỨC THU NĂM HỌC 2014 - 2015*Đvt: đồng/học sinh/tháng*

Cấp học	Mức học phí mới năm 2014 - 2015	
	Nhóm 1	Nhóm 2
Nhà trẻ	200.000	140.000
Mẫu giáo	160.000	100.000
Tiểu học	Không thu	
Trung học cơ sở	100.000	85.000
Bổ túc trung học cơ sở	150.000	130.000
Trung học phổ thông	120.000	100.000
Bổ túc trung học phổ thông	180.000	150.000

b) Đối với cơ sở giáo dục trung cấp chuyên nghiệp, cao đẳng, đại học:

- Đối với các Trường trung cấp chuyên nghiệp, cao đẳng, đại học trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố, cho phép Hiệu trưởng các đơn vị căn cứ mức trần học phí từng năm học và hệ số điều chỉnh quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều 12 Nghị định số 49/2010/NĐ-CP từ năm học 2013 - 2014 đến năm 2014 - 2015 để xác định mức thu học phí cụ thể cho các đối tượng, trình độ đào tạo theo từng năm học.

- Đối với các Trường trung cấp nghề, cao đẳng nghề trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố, cho phép Hiệu trưởng các đơn vị căn cứ mức trần học phí từng năm học quy định tại Khoản 3 Điều 12 Nghị định số 49/2010/NĐ-CP từ năm học 2013 - 2014 đến năm 2014 - 2015 để xác định mức thu học phí cụ thể cho các đối tượng, trình độ đào tạo và ngành nghề theo từng năm học.

c) Đối với các khoản thu trường công lập chất lượng cao và các môn tự chọn:

Giao Sở Giáo dục và Đào tạo phối hợp với Sở Tài chính xây dựng các mức thu khác theo từng loại hình trường (học bán trú, môn tự chọn, ngoại khóa) và mức học phí chất lượng cao, trình Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, quyết định.

4. Về quản lý và sử dụng nguồn thu học phí:**a) Thu học phí:**

Học phí được thu định kỳ hàng tháng; nếu học sinh, sinh viên tự nguyện, nhà trường có thể thu một lần cho cả học kỳ hoặc cả năm học. Đối với các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục thường xuyên, dạy nghề thường xuyên và các khóa đào tạo ngắn

hạn, học phí được thu theo số tháng thực học. Đối với các cơ sở giáo dục phổ thông, học phí được thu 09 tháng/năm. Đối với các cơ sở giáo dục nghề nghiệp học phí được thu 10 tháng/năm.

Các cơ sở giáo dục có trách nhiệm tổ chức thu, cấp biên lai học phí cho người học và nộp học phí vào Ngân hàng hoặc Kho bạc Nhà nước nơi mở tài khoản đăng ký hoạt động.

b) Sử dụng học phí:

Các cơ sở giáo dục công lập sử dụng học phí theo quy định của Chính phủ về quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập.

Cơ sở giáo dục ngoài công lập sử dụng học phí theo quy định của Chính phủ về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường.

c) Chế độ kiểm tra, báo cáo:

Các cơ sở giáo dục thuộc mọi loại hình đều có trách nhiệm tổ chức thực hiện công tác kế toán, thống kê quỹ học phí theo các quy định của pháp luật, thực hiện yêu cầu về thanh tra, kiểm tra của cơ quan tài chính và cơ quan quản lý giáo dục có thẩm quyền và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của các thông tin, tài liệu cung cấp.

Thu chi học phí của cơ sở giáo dục công lập phải tổng hợp chung vào báo cáo quyết toán thu, chi ngân sách nhà nước hàng năm.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày, kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Lê Hoàng Quân

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 28/2013/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 8 năm 2013

QUYẾT ĐỊNH

**Về điều chỉnh tăng mức hỗ trợ cho cán bộ có trình độ đại học
và bổ sung đối tượng được hỗ trợ đối với cán bộ có trình độ cao đẳng
công tác tại các Hợp tác xã Nông nghiệp trên địa bàn
Thành phố Hồ Chí Minh**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị quyết số 07/2013/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2013 của Hội đồng nhân dân thành phố về điều chỉnh tăng mức hỗ trợ cho cán bộ có trình độ đại học và bổ sung đối tượng được hỗ trợ đối với cán bộ có trình độ cao đẳng công tác tại các Hợp tác xã Nông nghiệp trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 3749/QĐ-UBND ngày 24 tháng 8 năm 2010 của Ủy ban nhân dân thành phố về phê duyệt Đề án Xây dựng và phát triển mô hình Hợp tác xã Nông nghiệp - dịch vụ giai đoạn 2010 - 2015 trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

Xét đề nghị của Liên Sở Nội vụ - Sở Tài chính - Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình Liên Sở số 706/TTr-SNV-STC-SNN ngày 12 tháng 10 năm 2012,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay điều chỉnh tăng mức hỗ trợ cho cán bộ có trình độ đại học và bổ sung đối tượng được hỗ trợ đối với cán bộ có trình độ cao đẳng công tác tại các Hợp tác xã Nông nghiệp trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2013 - 2015; như sau:

1. Đối tượng hỗ trợ: Cán bộ có trình độ đại học và cán bộ có trình độ cao đẳng công tác tại các Hợp tác xã Nông nghiệp trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Mức hỗ trợ giai đoạn 2013 - 2015: Điều chỉnh tăng mức hỗ trợ đối với cán bộ có trình độ đại học, cao đẳng công tác tại các Hợp tác xã Nông nghiệp, cụ thể:

- Hỗ trợ cho cán bộ có trình độ Đại học: 1.200.000 đồng/người/tháng.
- Hỗ trợ cho cán bộ có trình độ Cao đẳng: 800.000 đồng/người/tháng.

Số lượng cán bộ được hỗ trợ trên 01 Hợp tác xã: tối đa là 02 cán bộ.

3. Nguồn kinh phí hỗ trợ: ngân sách thành phố.

Điều 2. Thời gian áp dụng kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2013.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày, kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, Thủ trưởng các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Lê Hoàng Quân

PHẦN VĂN BẢN KHÁC**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ****ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 4178/QĐ-UBND

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 8 năm 2013***QUYẾT ĐỊNH****Phê duyệt Đề cương Quy hoạch Báo chí
Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2025**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Báo chí ngày 28 tháng 12 năm 1989, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Báo chí ngày 12 tháng 6 năm 1999;

Căn cứ Chỉ thị số 22-CT/TW ngày 17 tháng 10 năm 1997 của Bộ Chính trị về tiếp tục đổi mới và tăng cường sự lãnh đạo, quản lý công tác báo chí, xuất bản;

Căn cứ kết luận của Bộ Chính trị tại Thông báo số 162-TB/TW ngày 01 tháng 12 năm 2004 về một số biện pháp tăng cường quản lý báo chí trong tình hình hiện nay;

Căn cứ Nghị quyết số 16-NQ/TW ngày 01 tháng 8 năm 2007 của Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ V khóa X về công tác tư tưởng, lý luận và báo chí trước yêu cầu mới;

Căn cứ Nghị quyết số 16-NQ/TW ngày 10 tháng 8 năm 2012 của Bộ Chính trị về phương hướng, nhiệm vụ phát triển Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 157-QĐ/TW ngày 29 tháng 4 năm 2008 của Ban Bí thư ban hành Quy định về chỉ đạo định hướng chính trị tư tưởng, nhất là trước các vấn đề quan trọng, phức tạp, nhạy cảm trong nội dung thông tin của báo chí;

Căn cứ Chỉ thị số 52-CT/TW ngày 22 tháng 7 năm 2006 của Ban Bí thư về phát triển và quản lý báo điện tử ở nước ta hiện nay;

Căn cứ Chỉ thị số 25-CT/TW ngày 31 tháng 7 năm 2008 của Ban Bí thư về tăng cường xây dựng Đảng trong các cơ quan báo chí;

Căn cứ Nghị định số 51/2002/NĐ-CP ngày 26 tháng 4 năm 2002 của Chính phủ chi tiết thi hành Luật Báo chí, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Báo chí;

Căn cứ ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Thông báo số 82/TB-VPCP ngày 28 tháng 4 năm 1999 về công tác quản lý báo chí và quy hoạch, sắp xếp báo chí;

Căn cứ Quyết định phê chuẩn của Thủ tướng Chính phủ về quy hoạch mạng lưới báo chí toàn quốc tại Công văn số 583/CP-VX ngày 16 tháng 6 năm 2000;

Căn cứ Quyết định số 388/QĐ-TTg ngày 13 tháng 5 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch của Chính phủ thực hiện kết luận của Bộ Chính trị về một số biện pháp tăng cường quản lý báo chí trong tình hình hiện nay;

Căn cứ Quyết định số 22/2009/QĐ-TTg ngày 16 tháng 02 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch truyền dẫn, phát sóng phát thanh, truyền hình đến năm 2020;

Căn cứ Công văn số 4295/BTTTT-CBC và Công văn số 4318/BTTTT-HD ngày 30 tháng 12 năm 2008 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc hướng dẫn tổ chức thực hiện công tác quy hoạch, sắp xếp lại mạng lưới báo chí in toàn quốc;

Căn cứ Chương trình hành động số 26-Ctr/TU ngày 26 tháng 10 năm 2007 của Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh thực hiện Nghị quyết số 16-NQ/TW ngày 01 tháng 8 năm 2007 của Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ V khóa X về công tác tư tưởng, lý luận và báo chí trước yêu cầu mới;

Căn cứ Báo cáo số 75/BC-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2009 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về thực hiện sắp xếp, quy hoạch báo in của Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2020;

Xét đề nghị của Sở Thông tin và Truyền thông tại Tờ trình số 15/TTr-STTTT ngày 20 tháng 5 năm 2013 về phê duyệt Đề cương Quy hoạch báo chí Thành phố Hồ Chí Minh từ năm 2013 đến năm 2020 - Tầm nhìn đến năm 2025,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này Đề cương Quy hoạch Báo chí Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2025.

Điều 2. Giao Sở Thông tin và Truyền thông phối hợp với các đơn vị có liên quan xây dựng nội dung Quy hoạch Báo chí Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2025, trình Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, phê duyệt.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông, Giám đốc Sở Ngoại vụ, Giám đốc Sở Nội vụ, Thủ trưởng các Sở - ngành thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Hứa Ngọc Thuận

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

ĐỀ CƯƠNG

Quy hoạch Báo chí Thành phố Hồ Chí Minh

đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2025

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 4178/QĐ-UBND
ngày 02 tháng 8 năm 2013 của Ủy ban nhân dân thành phố)*

Phần I

HIỆN TRẠNG HOẠT ĐỘNG BÁO CHÍ TRONG NHỮNG NĂM QUA

I. ĐÁNH GIÁ VỀ HOẠT ĐỘNG BÁO CHÍ CỦA THÀNH PHỐ

1. Hiện trạng

Thành phố hiện có 40 cơ quan báo chí gồm Đài Truyền hình thành phố (19 kênh tự sản xuất), Đài Tiếng nói nhân dân thành phố (3 kênh), 17 báo in, 21 tạp chí, 7 báo điện tử và 255 trang thông tin điện tử tổng hợp (trong đó có 17 trang thông tin điện tử của các tổ chức chính trị xã hội); có 1.300 nhà báo được cấp thẻ cùng với lực lượng cộng tác viên khá đông đảo. Đồng thời có 137 cơ quan báo chí Trung ương và địa phương khác trú đóng hoặc đặt văn phòng đại diện hoạt động trên địa bàn. Bên cạnh hoạt động của báo chí và trang thông tin điện tử tổng hợp, hoạt động trên môi trường Internet còn có các mạng xã hội, blog cá nhân. Các loại hình này cũng đưa nhiều thông tin rất hữu ích nhưng cũng không ít những thông tin vô bổ, phản cảm,...

2. Đánh giá hoạt động của báo chí thành phố

a) Mặt mạnh:

- Báo chí thành phố luôn bám sát nhiệm vụ chính trị của thành phố, thông tin kịp thời các đợt sinh hoạt chính trị lớn của thành phố và đất nước; tích cực tuyên truyền đường lối, chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước; đồng hành cùng nhiều phong trào hành động cách mạng của nhân dân; phản ánh tâm tư, nguyện vọng chính đáng, hợp pháp của công dân bằng diễn đàn, chuyên trang, chuyên mục,....

- Có cố gắng tuyên truyền, nêu gương người tốt việc tốt, gương điển hình tiên

tiến trong học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh; góp phần định hình nhân cách con người mới trong nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc. Một số chương trình để lại dấu ấn sâu sắc trong người đọc, người xem, người nghe cả nước.

- Có nhiều sáng tạo trong tổ chức các phong trào xã hội - từ thiện trên mặt báo và các hoạt động xã hội sau mặt báo; phát huy truyền thống nhân ái của dân tộc.

- Đóng góp tích cực trong phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí; phát hiện nhiều sai phạm của cá nhân, đơn vị trong thực thi công vụ, góp phần cung cấp tư liệu để các cơ quan chức năng Trung ương và địa phương điều tra, xử lý nghiêm minh, được dư luận đánh giá cao.

b) Mặt hạn chế:

- Vẫn còn nhiều trường hợp thông tin về một số vấn đề phức tạp, nhạy cảm chính trị chưa chấp hành đầy đủ, đúng chỉ đạo định hướng chính trị, tư tưởng; thậm chí có lúc thiếu nghiêm túc, cố tình thể hiện theo định kiến riêng, thông tin sai sự thật, dẫn dắt công chúng nhận thức lệch lạc, gây những tác động xấu trong đời sống xã hội. Biểu hiện này khá thường xuyên nhưng phần lớn chỉ được nhắc nhở, rút kinh nghiệm là chủ yếu, chưa được xử lý thật nghiêm minh.

- Tình trạng chưa bám sát tôn chỉ, mục đích ở một số cơ quan báo chí chậm được khắc phục; khuynh hướng “thương mại hóa” là phổ biến; có hiện tượng tư nhân núp bóng để kinh doanh báo chí. Vì cạnh tranh bán báo, một số tờ báo tập trung thông tin với cách rút tít giật gân, câu khách; ngày càng có ít bài báo sâu sắc theo góc độ hướng đến đối tượng từng giới, từng ngành, lĩnh vực như tôn chỉ, mục đích mà tờ báo của mình cần phục vụ. Thực tế này kéo dài song chưa được chấn chỉnh một cách căn cơ, kiên quyết.

- Tiêm nhiễm kiểu làm báo phương Tây, đã tác động đến tác nghiệp của nhiều nhà báo theo dạng “điều tra”, “phản biện”, đối lập; những nội dung có tính cổ vũ, nêu gương, vận động nhân dân trong đời sống xã hội có chiều hướng giảm dần; ít có bài đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch hoặc có nhưng chưa thật sắc bén.

Theo xu hướng tiêu cực đó, một số cơ quan báo chí tập trung khai thác sự kiện, vấn đề nhạy cảm chính trị, tiêu cực nội bộ và xã hội; nóng vội chuyển tải mà không kiểm chứng nguồn tin theo quy định, chủ quan, phiến diện hoặc cố tình dẫn dắt bằng quan điểm cá nhân dẫn tới thiếu khách quan, không chính xác, lệch bản chất; không cân nhắc hệ quả tác động, không bảo vệ nền tảng tư tưởng, văn hóa, lợi ích

của Đảng, Nhà nước và nhân dân. Tình trạng vi phạm này có chiều hướng gia tăng ở một số cơ quan báo chí và chủ yếu xảy ra ở các số phụ, số cuối tuần, cuối tháng, số chuyên đề.

- Bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo đức, năng lực nghề nghiệp của một bộ phận người làm báo, lãnh đạo cơ quan báo chí thành phố chưa ngang tầm trước yêu cầu mới của nhiệm vụ xây dựng và phát triển nền báo chí cách mạng Việt Nam.

c) Nguyên nhân hạn chế:

Trong bối cảnh báo chí chịu tác động mạnh của cơ chế thị trường, sự bùng nổ thông tin toàn cầu với các phương tiện truyền thông hiện đại, sự xâm nhập văn hóa phương Tây và những hạn chế, yếu kém của kinh tế, văn hóa, xã hội của thành phố và đất nước đã ảnh hưởng đến quá trình đổi mới, phát triển của báo chí; những hạn chế, khuyết điểm của báo chí thành phố có nhiều nguyên nhân, nhưng chủ yếu là do:

- Quản lý hoạt động báo chí nói chung và quản lý hoạt động báo điện tử, trang mạng; chưa sâu sát, còn lúng túng trước một số vấn đề như thực hiện sự lãnh đạo của Đảng với đảm bảo tuân thủ Luật Báo chí; chưa theo kịp sự phát triển và sự biến động của lĩnh vực báo chí trong điều kiện hội nhập quốc tế.

- Trình độ, năng lực và lực lượng của cơ quan quản lý Nhà nước về báo chí còn thiếu và yếu so với yêu cầu lãnh đạo, chỉ đạo quản lý của thành phố với vị trí là một trong những trung tâm hoạt động báo chí của cả nước.

- Vai trò hạt nhân chính trị, lãnh đạo của Đảng ủy, chi ủy, chi bộ và vai trò gương mẫu, tiên phong trong nhận thức, hành động của đảng viên tại một số cơ quan báo chí còn yếu kém, nhất là giáo dục, rèn luyện đội ngũ phóng viên, biên tập viên nâng cao nhận thức về Đảng, về sự lãnh đạo của Đảng đối với báo chí, về vai trò, vị trí của báo chí cách mạng, về rèn luyện phẩm chất đạo đức, về định hướng tuyên truyền, thông tin trên mặt báo.

- Nhận thức của cơ quan chủ quản về vai trò, trách nhiệm đối với cơ quan báo chí chưa sâu sắc, việc quản lý còn lỏng lẻo, không theo dõi sát hoạt động của cơ quan báo chí do mình quản lý, có cơ quan chủ quản không kiên quyết và kịp thời chấn chỉnh sai sót, vi phạm của cơ quan báo chí.

- Người đứng đầu một số cơ quan báo chí chưa thể hiện đầy đủ trách nhiệm; còn non yếu về bản lĩnh chính trị, về năng lực chuyên môn trong chỉ đạo, điều hành các bộ phận nội dung, hành chính, tài chính của một cơ quan báo chí; lúng túng trong giải quyết hài hòa giữa yêu cầu nhiệm vụ chính trị, đảm bảo nội dung thông tin và trách

nhiệm kinh tế, kinh doanh các sản phẩm báo chí có lãi để đảm bảo thu nhập của toàn bộ lao động trong cơ quan báo chí.

- Có một số Ban biên tập, biên tập viên, phóng viên hạn chế trong nhận thức về sự lãnh đạo của Đảng; nhận thức chưa đúng mức, chưa đầy đủ các khái niệm: “xã hội hóa”, “phản biện xã hội”, “báo chí điều tra”, “tự do báo chí”,... dẫn đến việc báo chí sai phạm về chính trị, tư tưởng, viết và đăng bài mang nội dung lệch lạc quan điểm; thiếu nhạy bén, gây bức xúc dư luận; thiếu thận trọng về các vấn đề lịch sử, các vấn đề nhạy cảm về chính trị.

- Việc củng cố nhân sự ở một số cơ quan báo chí chưa đồng bộ, chỉ mới ở một số vị trí lãnh đạo, chưa tạo chuyển biến căn bản cả bộ máy tờ báo; công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, xây dựng đội ngũ cán bộ báo chí chưa đạt yêu cầu, thiếu chuẩn bị lực lượng kế cận nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển của báo chí và truyền thông; mặt khác, quy định về phân cấp quản lý cán bộ báo chí, một số tiêu chuẩn cán bộ, việc bổ nhiệm, xử lý cán bộ lãnh đạo cơ quan báo chí có nội dung chưa sát hợp.

II. CƠ SỞ PHÁP LÝ ĐỀ TIÊN HÀNH QUY HOẠCH BÁO CHÍ THÀNH PHỐ

1. Các văn bản của Trung ương

a) Các văn bản của Đảng:

- Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng.

- Nghị quyết số 16-NQ/TW ngày 01 tháng 8 năm 2007 của Hội nghị lần thứ V Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X về công tác tư tưởng, lý luận và báo chí trong tình hình mới.

- Nghị quyết số 16-NQ/TW ngày 10 tháng 8 năm 2012 của Bộ Chính trị về phương hướng, nhiệm vụ phát triển Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2020.

- Quyết định số 157-QĐ/TW ngày 29 tháng 4 năm 2008 của Ban Bí thư ban hành Quy định về chỉ đạo định hướng chính trị tư tưởng, nhất là trước các vấn đề quan trọng, phức tạp, nhạy cảm trong nội dung thông tin của báo chí.

- Chỉ thị số 52-CT/TW ngày 22 tháng 7 năm 2006 của Ban Bí thư về phát triển và quản lý báo điện tử ở nước ta hiện nay.

- Chỉ thị số 25-CT/TW ngày 31 tháng 7 năm 2008 của Ban Bí thư về tăng cường xây dựng Đảng trong các cơ quan báo chí.

b) Văn bản của Nhà nước:

- Luật Báo chí năm 1989, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Báo chí năm 1999.

- Nghị định số 51/2002/NĐ-CP ngày 26 tháng 4 năm 2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Báo chí, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Báo chí.

- Quyết định số 22/2009/QĐ-TTg ngày 16 tháng 02 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt quy hoạch truyền dẫn phát sóng phát thanh, truyền hình đến năm 2020.

- Công văn số 4295/BTTTT-CBC và Công văn số 4318/BTTTT-HD ngày 30 tháng 12 năm 2008 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc hướng dẫn tổ chức thực hiện công tác quy hoạch, sắp xếp lại mạng lưới báo chí in toàn quốc.

2. Các văn bản của thành phố

a) Văn bản của Thành ủy:

- Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Thành phố Hồ Chí Minh lần thứ IX, tháng 10 năm 2010.

- Chương trình hành động số 26-Ctr/TU ngày 26 tháng 10 năm 2007 của Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh thực hiện Nghị quyết số 16-NQ/TW ngày 01 tháng 8 năm 2007 của Hội nghị lần thứ V Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X về công tác tư tưởng, lý luận và báo chí trong tình hình mới.

b) Văn bản của Ủy ban nhân dân thành phố

- Các Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội Thành phố Hồ Chí Minh từ năm 2007 đến năm 2012.

- Báo cáo số 75/BC-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2009 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về thực hiện sắp xếp, quy hoạch báo in của Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2020.

Từ hiện trạng hoạt động của báo chí thành phố, những cơ sở pháp lý nhằm định hướng hoạt động của báo chí cả nước nói chung và báo chí thành phố nói riêng. Để khắc phục những hạn chế khuyết điểm đưa báo chí thành phố vươn lên phát triển ngang tầm, góp phần xây dựng và phát triển báo chí cách mạng Việt Nam. Quy hoạch báo chí thành phố đến năm 2020 tầm nhìn đến năm 2025 cần thiết và cấp bách.

Phần II

QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU, NỘI DUNG, CÁC CHƯƠNG TRÌNH GIẢI PHÁP QUY HOẠCH BÁO CHÍ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH TỪ NĂM 2013 ĐẾN NĂM 2020 - TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2025

I. QUAN ĐIỂM QUY HOẠCH

Quy hoạch về báo chí thành phố phát triển đúng quan điểm Nghị quyết Trung ương 5 khóa X và Chỉ thị số 52-CT/TW ngày 22 tháng 7 năm 2006 của Ban Bí thư đề ra, cụ thể là:

1. Báo chí là một bộ phận quan trọng của công tác tư tưởng của Đảng.
2. Báo chí là tiếng nói của Đảng, Nhà nước, của các tổ chức chính trị - xã hội và là diễn đàn của nhân dân.
3. Báo chí đặt dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Đảng, sự quản lý của Nhà nước và hoạt động trong khuôn khổ của pháp luật.
4. Tiếp tục nâng cao nhận thức về vị trí, vai trò, tác động của mạng thông tin toàn cầu và các báo điện tử đến sản xuất và đời sống xã hội. Đổi mới nội dung, phương thức chỉ đạo, quản lý của các cơ quan nhà nước đối với báo chí điện tử; xây dựng các tờ báo điện tử ở nước ta có kỹ thuật và công nghệ hiện đại, đúng đắn, chân thực, phong phú về nội dung, sắc bén về tính định hướng, tính chiến đấu, có tính văn hóa, tính nghiệp vụ cao, thực sự là vũ khí chính trị tư tưởng quan trọng, sắc bén của Đảng, Nhà nước, các đoàn thể, phục vụ đắc lực sự nghiệp đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

II. MỤC TIÊU QUY HOẠCH

1. Nhằm tăng cường sức mạnh của hệ thống báo chí cách mạng của Thành phố Hồ Chí Minh đủ sức thực hiện nhiệm vụ là tiếng nói của Đảng, của Nhà nước; là công cụ truyền tải kịp thời, nhanh chóng, chính xác tình hình chính trị - kinh tế - xã hội và phù hợp với lợi ích của đất nước nói chung, của thành phố nói riêng; Đồng thời là nơi để nhân dân trình bày các nguyện vọng chính đáng đối với Đảng cũng như đóng góp những sáng kiến xây dựng đất nước, xây dựng chính quyền đô thị, xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh theo tinh thần Nghị quyết 16 của Bộ Chính trị đã đề ra.

2. Tiếp tục nâng cao chất lượng hoạt động báo chí Thành phố Hồ Chí Minh với những sản phẩm báo chí chất lượng, đúng tôn chỉ mục đích.

3. Tăng cường quản lý có hiệu quả các hoạt động báo chí, thực hiện có hiệu quả sự phối hợp giữa các cơ quan chủ quản báo chí và các cơ quan chỉ đạo và quản lý báo chí.

4. Xây dựng để các cơ quan báo chí thành phố là những cơ quan truyền thông lớn, hiện đại có sức lan tỏa trong cả nước và ra nước ngoài nhằm giới thiệu về văn hóa Việt Nam và đặc trưng của người dân Thành phố Hồ Chí Minh.

III. NỘI DUNG QUY HOẠCH

1. Dự báo sự phát triển của báo chí đến năm 2020, tầm nhìn đến 2025

a) Báo in:

Sẽ tiếp tục phát triển nhưng gặp không ít khó khăn trước sự phát triển của các phương tiện truyền thông khác. Để phát triển, báo in phải nắm chắc nhu cầu thông tin của quần chúng, phản ánh kịp thời với Đảng, chính quyền với các cơ quan chức năng, để được cung cấp thông tin đáp ứng nhu cầu của bạn đọc. Trong tương lai chắc chắn sẽ có đan xen các loại hình báo chí trong một cơ quan báo chí. Báo in cũng phải đa dạng, phong phú kết hợp với nhiều loại hình phù hợp khác...

b) Phát thanh và truyền hình:

Đến năm 2025 không còn phát analog; thực hiện số hóa truyền hình cáp. Đến năm 2020 các công nghệ HD, Internet TV, IP TV, Smart TV, truyền hình theo yêu cầu, truyền hình di động, 3D, 4K, truyền hình tương tác... sẽ trở thành những xu hướng chủ đạo đòi hỏi Đài Tiếng nói nhân dân thành phố, Đài Truyền hình thành phố phải đầu tư công nghệ, đào tạo nguồn nhân lực,... mới đáp ứng yêu cầu phát triển.

c) Báo điện tử:

Sẽ phát triển mạnh mẽ cùng với phát triển của khoa học công nghệ, nó sẽ trở thành loại hình báo chí truyền thông đa phương tiện. Với các thế mạnh vượt trội, vì vậy trong tương lai đến năm 2020, các tờ báo, các trang thông tin điện tử tổng hợp của các đoàn thể chính trị, các tổ chức chính trị muốn phát triển phải đầu tư công nghệ, nguồn nhân lực để ra đời báo điện tử nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển chung của hoạt động truyền thông.

Đến năm 2020, các trang thông tin điện tử tổng hợp (của các tổ chức doanh nghiệp, các đơn vị không đủ điều kiện để lập báo điện tử) cũng tiếp tục phát triển để đưa các thông tin từ cơ quan đơn vị, trích dẫn từ báo chí theo quy định pháp luật; các trang mạng xã hội, các blog cá nhân cũng sẽ đồng hành phát triển trên môi trường

internet. Đặc biệt các trang mạng xã hội sẽ phát triển ngày càng cao, đa dạng hơn trang thông tin điện tử tổng hợp và blog. Vì vậy để phục vụ nhu cầu của nhân dân, nhất là thanh thiếu niên, cần phải xem xét đầu tư các trang mạng xã hội cho các đoàn thể chính trị xã hội quản trị, đủ sức làm công cụ thông tin hiện đại đúng pháp luật, đúng định hướng.

2. Nội dung quy hoạch

a) Giai đoạn 2013 - 2015:

- Tiến hành đánh giá, phân tích toàn diện khách quan những mặt mạnh yếu của từng cơ quan báo chí để sắp xếp lại cho phù hợp nhằm khắc phục được những hạn chế, khuyết điểm của báo chí thành phố.

- Tập trung đầu tư về cơ sở vật chất trang thiết bị đào tạo nhân lực để các cơ quan báo chí thành phố đủ sức phát triển sau khi đã sắp xếp củng cố. Trong đó quan tâm đầu tư để ra đời báo điện tử của Đảng bộ thành phố; trang mạng xã hội của Thành đoàn (ủy nhiệm cho báo Mục Tím); hỗ trợ tạo điều kiện để các tờ báo của thành phố như Phụ nữ, Pháp luật và một số tờ báo khác có nhu cầu và điều kiện để thành lập báo điện tử.

- Hoàn thành việc quy hoạch kênh phát thanh truyền hình đảm bảo phát triển theo yêu cầu phát triển chung của cả nước. Trong đó đến năm 2015 sẽ hoàn thành việc số hóa truyền hình cáp theo kế hoạch.

Trong giai đoạn này theo yêu cầu cụ thể của việc cung cấp và định hướng thông tin, nhằm đáp ứng nhu cầu quần chúng và các điều kiện khác theo quy định pháp luật báo chí, có thể xem xét cho ra đời một số cơ quan báo chí ở các lĩnh vực như thông tin đối ngoại, khoa học công nghệ, hướng dẫn hành xử văn hóa giao thông,... Tùy khả năng mà có thể chọn loại hình báo in, tạp chí, báo điện tử, nhưng ưu tiên khuyến khích cho ra đời báo điện tử ở các lĩnh vực này.

b) Giai đoạn 2015 - 2020 và tầm nhìn đến năm 2025:

- Tiếp tục đầu tư hoàn chỉnh hệ thống báo in của thành phố.

- Tiếp tục đầu tư để hiện đại hóa Đài Tiếng nói nhân dân thành phố, Đài Truyền hình thành phố đủ sức đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ chính trị của Đảng bộ thành phố.

- Tiếp tục đầu tư hoàn chỉnh để các báo điện tử đủ sức đáp ứng nhu cầu thông tin của quần chúng theo định hướng của Đảng bộ chính quyền thành phố, đúng tôn chỉ mục đích, đúng quy định pháp luật.

Trong quá trình tiến hành sắp xếp quy hoạch, thành phố sẽ có kế hoạch và biện pháp cụ thể để tổ chức thực hiện, đảm bảo cho báo chí Thành phố Hồ Chí Minh, hoạt động có hiệu quả đúng với tôn chỉ mục đích, đúng pháp luật, đáp ứng nhu cầu thông tin của quần chúng nhân dân. Đến năm 2025 báo chí thành phố trở thành các đơn vị truyền thông mạnh, đa phương tiện và hiện đại.

IV. CÁC CHƯƠNG TRÌNH - GIẢI PHÁP

1. Các chương trình

a) **Chương trình 1** - Đầu tư cơ sở vật chất để hiện đại hóa báo chí thành phố.

+ Đề án đầu tư phát triển báo điện tử, trang mạng xã hội.

+ Đề án nâng cấp, phát triển các cơ quan báo chí.

+ Đề án hiện đại hóa Đài Tiếng nói nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

+ Đài Truyền hình thành phố: Tiếp tục đầu tư cơ sở vật chất, trong đó chú ý việc triển khai số hóa hệ thống truyền hình của Đài Truyền hình thành phố theo chỉ đạo của Chính phủ, Ủy ban nhân dân thành phố.

Đơn vị chủ trì: các cơ quan báo chí thành phố phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính và các cơ quan báo đài đề xuất cụ thể, trình Ủy ban nhân dân thành phố.

Nguồn ngân sách: từ ngân sách thành phố; Ngân sách của các đơn vị. Đề xuất Ủy ban nhân dân thành phố hỗ trợ như các doanh nghiệp bằng cho vay đầu tư.

b) **Chương trình 2** - Nâng cao năng lực cán bộ báo chí: Đề án nâng cao trình độ chính trị và chuyên môn cho cán bộ quản lý, lãnh đạo, phóng viên báo chí thành phố:

Đề án nâng cao trình độ chính trị và chuyên môn cho cán bộ quản lý, lãnh đạo, phóng viên báo chí thành phố.

Mục đích:

- Đào tạo cho hầu hết các cán bộ quản lý, lãnh đạo cơ quan báo chí thành phố trình độ cao cấp chính trị.

- Đào tạo cho hầu hết phóng viên, biên tập viên báo chí thành phố trình độ trung cấp chính trị, có trình độ đại học về báo chí và các chuyên ngành được phân công tác nghiệp.

Đơn vị chủ trì: Giao Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với Ban Tuyên giáo Thành ủy, Sở Tài chính, Sở Thông tin và Truyền thông và các đơn vị có liên quan xây dựng đề

án gắn với chương trình phát triển nguồn nhân lực của thành phố, trình Ủy ban nhân dân thành phố xem xét.

Nguồn ngân sách: ngân sách nhà nước (với một số báo lớn, có khả năng tự chủ ngân sách có thể sử dụng ngân sách tự chủ).

c) **Chương trình 3** - Xây dựng đề án quản lý khoa học hoạt động của các trang thông tin điện tử, mạng xã hội, blog:

Đơn vị chủ trì: Sở Thông tin và Truyền thông.

2. Các giải pháp

a) Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với hoạt động báo chí:

Bám sát những nhiệm vụ trọng tâm của công tác tư tưởng và công tác báo chí theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 5 (khóa X) về công tác tư tưởng, lý luận, báo chí trước yêu cầu mới. Tuyên truyền, cổ vũ thành tựu trong công cuộc đổi mới, xây dựng và bảo vệ đất nước, xây dựng bảo vệ, phát triển Thành phố Hồ Chí Minh văn minh, hiện đại, nghĩa tình. Phát hiện, biểu dương nhân tố mới tích cực, điển hình tiên tiến. Đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí, quan liêu, các tiêu cực và tệ nạn xã hội. Kế thừa, phát huy những giá trị quý báu của nền văn hóa Việt Nam; tiếp thu, phát huy những tinh hoa văn hóa nhân loại một cách phù hợp. Đấu tranh phản bác thông tin, quan điểm sai trái, phản động, thù địch, phi văn hóa. Cụ thể:

- Cơ quan chỉ đạo, cơ quan quản lý báo chí chủ trì, phối hợp với các cơ quan chủ quản định kỳ rà soát, kiểm tra, chấn chỉnh hoạt động của các cơ quan báo chí thành phố, khắc phục tình trạng xa rời tôn chỉ, mục đích trong hoạt động báo chí, đảm bảo tính định hướng trong hoạt động thông tin, tuyên truyền của cơ quan báo chí.

- Thường xuyên rà soát các chỉ thị, quy định của Trung ương để tham mưu, tổ chức thực hiện hoặc kiến nghị Trung ương sửa đổi, bổ sung các quy định liên quan trách nhiệm của cơ quan chủ quản báo chí, về cơ chế thẩm định, bổ nhiệm cán bộ lãnh đạo báo chí.

- Ban Tuyên giáo Thành ủy chủ trì, phối hợp với Ban Tổ chức Thành ủy, Sở Nội vụ kiện toàn, tăng cường đội ngũ cán bộ, chuyên viên phụ trách báo chí - xuất bản của Ban Tuyên giáo Thành ủy, Sở Thông tin và Truyền thông, của các cơ quan chủ quản báo chí trong theo dõi, thực hiện trách nhiệm quản lý đối với cơ quan báo chí trực thuộc mình quản lý.

- Đẩy mạnh kiện toàn đồng bộ đội ngũ cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý của các cơ quan báo chí gắn với thực hiện chủ trương luân chuyển cán bộ lãnh đạo, quản lý báo chí; định kỳ tổ chức đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị, xây dựng đội ngũ báo chí vững vàng về chính trị, có phẩm chất đạo đức tốt, chú trọng việc phát triển đảng viên trong đội ngũ biên tập viên, phóng viên.

- Tăng cường cán bộ có bản lĩnh chính trị và chuyên môn sâu cho cơ quan chỉ đạo và cơ quan quản lý báo chí để nâng cao chất lượng tham mưu về nội dung tư tưởng trên báo và hoạt động sau mặt báo (thực hiện theo quy hoạch và rà soát quy hoạch hàng năm)

- Chỉ đạo rà soát các quy định, quy chế có liên quan đến công tác phối hợp giữa cơ quan Tuyên giáo với các cơ quan chỉ đạo, cơ quan quản lý Nhà nước, cơ quan chủ quản báo chí và Đảng ủy Khối Dân - Chính - Đảng thành phố theo hướng làm rõ hơn trách nhiệm phối hợp của từng cơ quan để khắc phục tình trạng trùng lặp hoặc buông lỏng trong quản lý hoạt động của cơ quan báo chí và đề xuất sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với tình hình thực tiễn và các quy định pháp luật.

- Chỉ đạo các cơ quan báo chí xây dựng chuyên mục, đăng tin, bài đấu tranh phản bác các quan điểm thù địch, sai trái, các luận điệu xuyên tạc, vu khống, bôi đen của các thế lực thù địch

- Ban Cán sự Đảng Ủy ban nhân dân thành phố lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra chấn chỉnh việc thực hiện nghiêm quy chế người phát ngôn của Ủy ban nhân dân thành phố, của các sở - ngành theo đúng quy định của Chính phủ. Chủ động cung cấp thông tin về chủ trương, giải pháp quản lý, phát triển kinh tế - văn hóa - xã hội đến cơ quan báo chí. Chỉ đạo các ngành chức năng tăng cường, nâng cao chất lượng, hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý của Nhà nước đối với báo chí; rà soát, tiếp tục kiến nghị giải quyết những bất cập; đề xuất bổ sung sửa đổi những quy định pháp luật chưa phù hợp với nghị quyết của Đảng trên lĩnh vực báo chí. Quản lý có hiệu quả hoạt động báo chí trên địa bàn và phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông trong việc quản lý tốt các cơ quan báo chí Trung ương và địa phương khác trú đóng tại thành phố; tiếp cận công nghệ thông tin hiện đại để quản lý được phương thức và nội dung thông tin trên Internet.

- Tăng cường trách nhiệm, năng lực của cơ quan chủ quản, của người đứng đầu cơ quan báo chí.

Cơ quan chủ quản báo chí phải duy trì chế độ làm việc định kỳ, tăng cường theo dõi, kiểm tra việc chấp hành định hướng thông tin, tôn chỉ, mục đích trong hoạt động

của cơ quan báo chí, chấn chỉnh kịp thời những thiếu sót, sai phạm của ban biên tập cơ quan báo chí về điều hành, quản lý nội dung, nhân sự, tài chính báo chí; đặc biệt là bố trí các chức danh Tổng Biên tập, Tổng Giám đốc, Giám đốc, Phó Tổng biên tập, Phó Tổng Giám đốc, Phó Giám đốc, Tổng thư ký, Thư ký tòa soạn, Trưởng ban, Trưởng phòng, Trưởng chuyên trang, chuyên mục.

Cơ quan báo chí và người đứng đầu cơ quan báo chí có kế hoạch thực hiện các công việc cụ thể: củng cố nhận thức về chức năng, nhiệm vụ báo chí cách mạng; phát huy ưu điểm, khắc phục những hạn chế, khuyết điểm. Đổi mới tư duy và phong cách lãnh đạo báo; cải tiến nội dung, phương thức, xây dựng phương châm lãnh đạo, tác phong làm việc nghiêm túc, thuyết phục.

Tiếp tục tập trung chăm lo công tác xây dựng Đảng, nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở Đảng và chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên, phát huy vai trò hạt nhân chính trị tại từng cơ quan báo chí, bồi dưỡng nâng cao trình độ lý luận chính trị; xây dựng đội ngũ cán bộ làm báo kiên định lý tưởng cách mạng, vừa hồng, vừa chuyên, đẩy mạnh công tác quy hoạch nguồn cán bộ ngay từ đầu vào của lực lượng phóng viên, biên tập viên; tạo môi trường để cán bộ báo chí rèn luyện, thử thách, thật sự trưởng thành.

Tăng cường lãnh đạo, nâng cao vị trí, vai trò của Hội Nhà báo thành phố, đặc biệt là nhiệm vụ giáo dục đạo đức nghề nghiệp, bồi dưỡng nghiệp vụ báo chí cho hội viên và những người làm báo.

b) Nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước về báo chí:

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, nâng cao ý thức, trách nhiệm của các cơ quan báo chí, các biên tập viên và phóng viên.

- Kiện toàn tổ chức, bộ máy đủ mạnh để thực hiện có hiệu quả vai trò quản lý nhà nước về báo chí, bố trí đội ngũ cán bộ có trình độ chính trị và năng lực chuyên môn nghiệp vụ, phẩm chất đạo đức trong sáng... nhằm thực hiện tốt nhiệm vụ được giao.

- Tăng cường hiệu lực hiệu quả quản lý nhà nước về báo chí. Thực hiện tốt việc phối hợp giữa giữa cơ quan chỉ đạo, quản lý và cơ quan chủ quản để tăng cường, quản lý báo chí. Thường xuyên kiểm tra, giám sát, tạo điều kiện để báo chí thực hiện tốt đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của nhà nước và các quy định hiện hành được nêu trong pháp luật về báo chí.

- Xây dựng và ban hành các quy chế trong hoạt động báo chí như: Quy chế quản lý phóng viên của các đơn vị báo chí thành phố; Quy chế quản lý phóng viên thường trú của các báo chí Trung ương trên địa bàn thành phố; Quy chế quản lý văn phòng đại diện báo chí trên địa bàn thành phố; Bổ sung, sửa đổi về quy chế người phát ngôn và cung cấp thông tin cho báo chí của các cơ quan, đơn vị phù hợp quy chế của Sở Thông tin và Truyền thông.

- Tăng cường hợp tác với các tỉnh, thành phố để kịp thời phản ánh thông tin các địa phương, vùng miền trong cả nước và đưa thông tin của thành phố phục vụ đồng bào các địa phương khác.

c) Giải pháp về nguồn lực tài chính và chế độ chính sách tài chính:

Đề xuất cho áp dụng cơ chế cho vay đầu tư ở các cơ quan báo chí như đối với doanh nghiệp.

d) Giải pháp về nguồn nhân lực:

- Tập trung xây dựng chương trình, giáo trình, kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ trong lĩnh vực báo chí. Chú trọng đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ những người làm báo về phẩm chất đạo đức, kỹ năng nghề nghiệp. Khuyến khích việc tự đào tạo, tự nâng cao trình độ để đáp ứng yêu cầu hoạt động, phù hợp với tôn chỉ mục đích của cơ quan báo chí.

- Đầu tư đào tạo đội ngũ cán bộ quản lý báo chí và phóng viên báo đài, thông qua các lớp đào tạo trong và ngoài nước với các loại hình đào tạo, bồi dưỡng phù hợp, để đến năm 2025 đa số các lãnh đạo cơ quan báo chí đảm bảo đạt tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định, có trình độ lý luận chính trị cao cấp. Phóng viên ngoài trình độ về báo chí phải có trình độ chính trị từ trung cấp trở lên và có kiến thức sâu về lĩnh vực được phân công. Xây dựng cơ chế quản lý phù hợp với đội ngũ cán bộ chủ chốt, phóng viên, biên tập viên, v.v... của các cơ quan báo chí.

- Giao Sở Nội vụ và các ngành có liên quan đưa vào chương trình đào tạo nguồn nhân lực của thành phố để triển khai thực hiện.

đ) Giải pháp về hợp tác quốc tế:

- Tăng cường hợp tác với các nước, các thành phố trên các lĩnh vực trao đổi thông tin về đất nước, con người, văn hóa Việt Nam và giữa các nước với Việt Nam. Thông qua các phương tiện thông tin để phổ biến ra nước ngoài các tác phẩm văn học nghệ thuật mang đậm bản sắc, tâm hồn, cốt cách Việt Nam và phổ biến những tinh hoa văn hóa nhân loại cho công chúng thành phố.

- Hợp tác quốc tế trong lĩnh vực đào tạo, bồi dưỡng về trình độ khoa học, công nghệ hiện đại, kỹ năng, kỹ xảo về phát thanh, truyền hình, công nghệ tin học, in ấn, chế bản ; về nghiệp vụ làm báo và kỹ năng sử dụng các phương tiện kỹ thuật thông tin hiện đại khác.

- Tăng cường việc đưa thông tin của Việt Nam nói chung và thành phố nói riêng đến với cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài và cộng đồng quốc tế. Hợp tác trong việc kinh doanh, phát hành báo chí, xuất bản phẩm của Việt Nam ở nước ngoài, tiếp âm, tiếp sóng phát thanh, truyền hình ở các khu vực trên thế giới, trên cơ sở có chọn lọc, có biên tập nhằm tiếp thu các thông tin bổ ích và phù hợp.

- Có biện pháp tích cực trong việc ngăn chặn những thông tin độc hại từ bên ngoài xâm nhập vào Việt Nam. Các thông tin trích dẫn từ nước ngoài phải được biên tập phù hợp với văn hoá dân tộc, các chính sách pháp luật hiện hành. Tăng cường hợp tác quốc tế trong việc thiết lập trật tự thông tin quốc tế trong điều kiện mới.

- Phát triển hệ thống thông tin trên Internet, tăng số lượng các thông tin bằng tiếng nước ngoài trên mạng để phục vụ tốt hơn công tác thông tin đối ngoại.

e) Giải pháp về khoa học và công nghệ:

- Phát triển báo chí dựa trên cơ sở kết hợp giữa ứng dụng công nghệ thông tin và các phương tiện thích hợp khác. Bảo đảm phát triển của báo chí thành phố theo kịp sự phát triển của các nước trong khu vực và trên thế giới.

- Đầu tư xây dựng các trung tâm truyền dẫn, phát sóng, các cơ sở in ấn, chế bản... hiện đại để đảm bảo tốt các yêu cầu của các hoạt động thông tin báo chí trong những năm trước mắt và lâu dài.

- Tạo điều kiện thuận lợi để cán bộ khoa học công nghệ trong lĩnh vực thông tin báo chí tham dự các hội nghị quốc tế, học tập nghiên cứu ở các nước có trình độ tiên tiến, trên cơ sở thực hiện tốt các quy định về cử cán bộ học tập nghiên cứu ở nước ngoài.

- Nhanh chóng chuyển đổi công nghệ truyền hình từ công nghệ tương tự có nhiều hạn chế sang công nghệ truyền hình kỹ thuật số hiện đại, chất lượng theo các chủ trương của Chính phủ và Ủy ban nhân dân thành phố.

g) Giải pháp về bảo đảm an ninh thông tin:

- Phát triển thông tin báo chí (nhất là báo điện tử) đồng thời phải có biện pháp bảo đảm an ninh thông tin trong lĩnh vực kinh tế, chính sách đối nội, đối ngoại, lĩnh

vực khoa học - công nghệ, trong lĩnh vực đời sống tinh thần, trong hệ thống viễn thông - thông tin toàn quốc, trong lĩnh vực quốc phòng, an ninh và bảo vệ an ninh thông tin trong điều kiện có hoàn cảnh đặc biệt.

- Tăng cường công tác bảo vệ nội bộ ở các cơ quan báo chí. Xây dựng đội ngũ làm công tác thông tin có đủ năng lực chuyên môn, nghiệp vụ và bản lĩnh chính trị để thực hiện tốt yêu cầu nhiệm vụ trong mọi tình huống.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ban Tuyên giáo Thành ủy tham mưu giúp Thành ủy kế hoạch tổ chức quán triệt đến các cấp ủy, đến toàn thể cán bộ đảng viên, cả hệ thống chính trị của thành phố, đề án quy hoạch báo chí, tạo sự đồng thuận trong quá trình thực hiện.

2. Ban Chỉ đạo quy hoạch và thực hiện Quy hoạch báo chí đến năm 2020 - Tầm nhìn đến năm 2025 tham mưu cho Ủy ban nhân dân thành phố, chủ trì thực hiện đề án, chịu trách nhiệm phối hợp với các sở, ban, ngành có liên quan và Ủy ban nhân dân các quận, huyện xây dựng kế hoạch cụ thể và tổ chức triển khai thực hiện đề án.

3. Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì phối hợp với các ngành liên quan, Ủy ban nhân dân các quận, huyện tăng cường công tác quản lý nhà nước về báo chí, thường xuyên kiểm tra, thanh tra hoạt động báo chí trên địa bàn thành phố trong việc tuân thủ các quy định của nhà nước; đề nghị biểu dương khen thưởng kịp thời, đồng thời xử lý hoặc đề nghị xử lý đối với những trường hợp vi phạm pháp luật. Cùng với Sở Tư pháp, Sở Nội vụ và các cơ quan đơn vị có liên quan nghiên cứu đề xuất các giải pháp nhằm sửa đổi, bổ sung và hoàn thiện các văn bản quy định về quản lý báo chí tại Thành phố Hồ Chí Minh theo thẩm quyền.

4. Sở Nội vụ chủ trì phối hợp với Ban Tuyên giáo Thành ủy, Sở Thông tin và Truyền thông và các cơ quan báo chí có kế hoạch đào tạo, nâng cao trình độ chính trị, nghiệp vụ chuyên môn cho đội ngũ phóng viên, biên tập viên, cộng tác viên. Bồi dưỡng, cập nhật kiến thức, nghiệp vụ, giáo dục đạo đức nhà báo cho từng đối tượng tham gia hoạt động báo chí.

5. Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì cùng với Sở Tài chính, Sở Xây dựng, Sở Thông tin và Truyền thông và các cơ quan chủ quản báo chí xem xét đầu tư, hỗ trợ để thực hiện các đề án, dự án, các kế hoạch đào tạo trình Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt.

6. Các Sở, ngành có liên quan, các cơ quan chủ quản, Tổng Biên tập các báo, tạp chí, Ban Giám đốc Đài Tiếng nói nhân dân thành phố, Đài Truyền hình thành phố căn cứ Quy hoạch chung và các đề án cụ thể để xây dựng kế hoạch của đơn vị mình.

VI. KIẾN NGHỊ

1. Về phân cấp quản lý và bổ nhiệm cán bộ lãnh đạo các cơ quan báo chí, Ban Tuyên giáo Trung ương, Bộ Thông tin và Truyền thông nghiên cứu, phân cấp cho thành phố quyết định bổ nhiệm Ban biên tập các cơ quan báo chí Thành phố Hồ Chí Minh. Với trách nhiệm lãnh đạo, chỉ đạo quản lý toàn diện hoạt động báo chí thành phố, khả năng nắm bắt tình hình hoạt động của cơ quan báo chí và bám sát quy hoạch cán bộ nguồn, thành phố đảm bảo việc lựa chọn nhân sự hội đủ tiêu chuẩn và điều kiện quy định của Trung ương về bổ nhiệm, miễn nhiệm cán bộ lãnh đạo cơ quan báo chí.

2. Về phối hợp chỉ đạo, định hướng chính trị, tư tưởng, nhất là đối với các vấn đề quan trọng, phức tạp, nhạy cảm trong nội dung thông tin của báo chí đề nghị thống nhất quy trình phối hợp chỉ đạo thông tin, tránh tình trạng nhiều cấp quản lý chỉ đạo trực tiếp xuống cơ quan báo chí hoặc Trung ương chỉ đạo thông tin nhưng cơ quan chỉ đạo báo chí địa phương không được rõ để phối hợp theo dõi, quản lý.

3. Về những văn bản quy phạm pháp luật xử lý vi phạm hành chính đối với các cơ quan báo chí hoạt động trên địa bàn; đề nghị cơ quan chỉ đạo và cơ quan quản lý báo chí Trung ương tiếp tục nghiên cứu, điều chỉnh hợp lý để tăng cường trách nhiệm và hiệu quả quản lý của các cơ quan địa phương, không nên để xảy ra tình trạng bất bình đẳng trong xử lý sai phạm giữa các cơ quan báo chí.

4. Ban hành quy chế phối hợp giữa Bộ Thông tin và Truyền thông với Ủy ban nhân dân thành phố trong việc quản lý chặt chẽ hoạt động các cơ quan báo chí, xuất bản của các cơ quan Trung ương và địa phương trên địa bàn thành phố, đảm bảo sự đồng bộ, thống nhất trong quản lý nhà nước trên lĩnh vực này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Hứa Ngọc Thuận

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 4226/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 8 năm 2013

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành về an toàn thực phẩm thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân quận - huyện, Ủy ban nhân dân phường - xã, thị trấn trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 1405/TTr-SNN ngày 26 tháng 7 năm 2013,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này thủ tục hành chính mới ban hành về an toàn thực phẩm thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân quận - huyện, Ủy ban nhân dân phường-xã, thị trấn trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. Chi tiết tên, nội dung thủ tục hành chính theo danh mục đính kèm.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường - xã, thị trấn chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

CHỦ TỊCH

Lê Hoàng Quân

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH VỀ AN TOÀN
THỰC PHẨM THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA
ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN - HUYỆN, ỦY BAN NHÂN DÂN
PHƯỜNG - XÃ, THỊ TRẤN TRÊN ĐỊA BÀN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 4226/QĐ-UBND
ngày 07 tháng 8 năm 2013 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố)*

**Phần I
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**

I. Thủ tục hành chính mới ban hành thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân quận - huyện:

STT	Tên thủ tục hành chính
Lĩnh vực an toàn thực phẩm:	
1	Thủ tục Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản.
2	Thủ tục Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản do hết hạn.
3	Thủ tục Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản còn thời hạn hiệu lực nhưng bị mất, bị hỏng, thất lạc, hoặc có sự thay đổi, bổ sung thông tin trên Giấy chứng nhận an toàn thực phẩm.

II. Thủ tục hành chính mới ban hành thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân phường-xã, thị trấn:

Lĩnh vực phát triển nông thôn:	
1	Thủ tục Xét duyệt hỗ trợ lãi vay khuyến khích chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp đô thị.

Phần II

NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

I. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN - HUYỆN

1. Thủ tục Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản.

- Trình tự thực hiện:

* **Bước 1:** Chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định của pháp luật.

* **Bước 2:** Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân quận - huyện vào các ngày làm việc từ thứ hai đến thứ sáu (buổi sáng từ 7g30 - 11g30 và buổi chiều từ 13g00 - 17g00).

* **Bước 3:** Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân quận - huyện tiếp nhận và kiểm tra tính đầy đủ của hồ sơ theo quy định:

Trong thời gian không quá ba (03) ngày làm việc, kể từ khi nhận được hồ sơ, Ủy ban nhân dân quận - huyện thông báo bằng văn bản cho cá nhân, tổ chức biết rõ những nội dung cần điều chỉnh, bổ sung, hoàn thiện hồ sơ (nếu có).

* **Bước 4:** Trong thời gian 15 ngày làm việc, kể từ khi nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, Ủy ban nhân dân quận - huyện thực hiện thẩm tra hồ sơ; kiểm tra, đánh giá phân loại cơ sở do đơn vị đã thực hiện, hoặc tổ chức đi kiểm tra thực tế điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm tại cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm (nếu cần hoặc trong trường hợp cơ sở chưa được kiểm tra, đánh giá phân loại).

Kết quả kiểm tra, đánh giá đạt yêu cầu, Ủy ban nhân dân quận - huyện sẽ cấp Giấy chứng nhận cho cơ sở.

Trường hợp kết quả kiểm tra, đánh giá không đạt, Ủy ban nhân dân quận - huyện phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

* **Bước 5:** Nhận kết quả giải quyết hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân quận - huyện vào các ngày làm việc từ thứ hai đến thứ sáu (buổi sáng từ 7g30 - 11g30 và buổi chiều từ 13g00 - 17g00).

- Cách thức thực hiện: Nộp trực tiếp hoặc qua đường bưu điện tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân quận - huyện.

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:

- Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận (theo mẫu tại Phụ lục II của Thông tư số 01/2013/TT-BNNPTNT);

- Bản sao đối chiếu bản chính Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đầu tư có ngành nghề sản xuất, kinh doanh thực phẩm hoặc quyết định thành lập;

- Bản thuyết minh về cơ sở vật chất, trang thiết bị, dụng cụ bảo đảm điều kiện an toàn thực phẩm (theo mẫu tại Phụ lục III của Thông tư số 01/2013/TT-BNNPTNT);

- Danh sách chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm đã được các cơ quan có chức năng quản lý chất lượng, an toàn thực phẩm nông lâm thủy sản của ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tập huấn kiến thức về an toàn thực phẩm có xác nhận của cơ sở sản xuất, kinh doanh;

- Danh sách chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm đã được cơ sở y tế cấp quận - huyện trở lên cấp xác nhận đủ sức khỏe;

- Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm - bản chính (đối với trường hợp cơ sở có sự thay đổi, bổ sung thông tin trên Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm).

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

- **Thời hạn giải quyết:** Trong thời hạn không quá mười lăm (15) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức, cá nhân.

- **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Ủy ban nhân dân quận - huyện

- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm.

- **Lệ phí:** Chưa có quy định.

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

+ Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận (theo mẫu tại Phụ lục II của Thông tư số 01/2013/TT-BNNPTNT);

+ Bản thuyết minh về cơ sở vật chất, trang thiết bị, dụng cụ bảo đảm điều kiện an toàn thực phẩm (theo mẫu tại Phụ lục III của Thông tư số 01/2013/TT-BNNPTNT).

- ***Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:*** Các cơ sở có Giấy đăng ký kinh doanh do Ủy ban nhân dân quận - huyện cấp hoạt động trong lĩnh vực:

+ Sản xuất ban đầu nông, lâm, thủy sản, muối bao gồm: quá trình trồng trọt, chăn nuôi, thu hái, đánh bắt, khai thác nông, lâm, thủy sản; sản xuất muối.

+ Sản xuất, thu gom, giết mổ, sơ chế, chế biến, bảo quản, vận chuyển, kinh doanh thực phẩm đối với ngũ cốc; thịt và các sản phẩm từ thịt; thủy sản và sản phẩm thủy sản; rau, củ, quả và sản phẩm rau, củ quả; trứng và các sản phẩm từ trứng; sữa tươi nguyên liệu; mật ong và các sản phẩm từ mật ong; thực phẩm biến đổi gen; muối, gia vị, đường; chè; cà phê; ca cao; hạt tiêu; điều và các nông sản thực phẩm; dụng cụ, vật liệu bao gói, chứa đựng thực phẩm thuộc lĩnh vực được phân công quản lý.

- ***Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:***

+ Luật An toàn thực phẩm;

+ Nghị định số 38/2012/NĐ-CP ngày ngày 25 tháng 3 năm 2012 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm;

+ Thông tư số 14/2011/TT-BNNPTNT ngày 29 tháng 3 năm 2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn “Quy định việc kiểm tra, đánh giá cơ sở sản xuất kinh, doanh vật tư nông nghiệp và sản phẩm nông lâm thủy sản;

+ Thông tư số 53/2011/TT-BNNPTNT ngày 02 tháng 8 năm 2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về sửa đổi, bổ sung Thông tư số 14/2011/TT-BNNPTNT ngày 29 tháng 3 năm 2011 quy định việc kiểm tra, đánh giá cơ sở sản xuất kinh doanh vật tư nông nghiệp và sản phẩm nông lâm thủy sản.

+ Thông tư số 55/2011/TT-BNNPTNT ngày 03 tháng 8 năm 2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về “Kiểm tra, chứng nhận chất lượng, an toàn thực phẩm thủy sản.

+ Thông tư số 59/2012/TT-BNNPTNT ngày 09 tháng 11 năm 2012 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn “Quy định về quản lý sản xuất rau, quả và chè an toàn”.

+ Thông tư số 01/2013/TT-BNNPTNT ngày 04 tháng 01 năm 2013 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về “Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 14/2011/TT-BNNPTNT ngày 29 tháng 3 năm 2011 quy định việc kiểm tra, đánh giá cơ sở sản xuất, kinh doanh vật tư nông nghiệp và sản phẩm nông lâm thủy sản và thay thế một số biểu mẫu được ban hành kèm theo Thông tư số 53/2011/TT-BNNPTNT ngày 02 tháng 8 năm 2011 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 14/2011/TT-BNNPTNT ngày 29 tháng 3 năm 2011”.

Mẫu đơn**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP/CẤP LẠI****GIẤY CHỨNG NHẬN CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN AN TOÀN THỰC PHẨM***(Ban hành kèm theo Thông tư số 01/2013/TT-BNNPTNT**ngày 04 tháng 01 năm 2013 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)***CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc***Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 20...***ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP/CẤP LẠI****GIẤY CHỨNG NHẬN CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN AN TOÀN THỰC PHẨM**

Kính gửi:.....

1. Tên cơ sở sản xuất, kinh doanh:

.....

2. Địa chỉ cơ sở sản xuất, kinh doanh:.....

.....

3. Điện thoại:Fax:Email:.....

4. Giấy đăng ký kinh doanh hoặc Quyết định thành lập:.....

.....

5. Mặt hàng sản xuất, kinh doanh:.....

.....

Lý do cấp lại:.....

Đại diện cơ sở
(Ký tên, đóng dấu)**Hồ sơ gửi kèm:**-
-
-

Mẫu**BẢN THUYẾT MINH**

Cơ sở vật chất, trang thiết bị, dụng cụ bảo đảm
điều kiện an toàn thực phẩm

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 01/2013/TT-BNNPTNT
ngày 04 tháng 01 năm 2013 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN THUYẾT MINH

**Cơ sở vật chất, trang thiết bị, dụng cụ bảo đảm
điều kiện an toàn thực phẩm**

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 20....

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở sản xuất, kinh doanh:
2. Địa chỉ:
3. Điện thoại:..... Fax:..... Email:.....
4. Loại hình sản xuất, kinh doanh

<input type="checkbox"/> DN nhà nước	<input type="checkbox"/> DN 100% vốn nước ngoài
<input type="checkbox"/> DN liên doanh với nước ngoài	<input type="checkbox"/> DN cổ phần
<input type="checkbox"/> DN tư nhân	<input type="checkbox"/> Khác:.....

(ghi rõ loại hình)
5. Năm bắt đầu hoạt động:.....
6. Số đăng ký, ngày cấp, cơ quan cấp đăng ký kinh doanh:.....
.....
7. Công suất thiết kế:.....
8. Sản lượng sản xuất, kinh doanh (thống kê 03 năm trở lại đây):.....
9. Thị trường tiêu thụ chính:.....

II. MÔ TẢ VỀ SẢN PHẨM

TT	Tên sản phẩm sản xuất, kinh doanh	Nguyên liệu/sản phẩm chính đưa vào sản xuất, kinh doanh		Cách thức đóng gói và thông tin ghi trên bao bì
		Tên nguyên liệu/sản phẩm	Nguồn gốc/xuất xứ	

...

III. TÓM TẮT HIỆN TRẠNG ĐIỀU KIỆN CƠ SỞ SẢN XUẤT, KINH DOANH

1. Nhà xưởng, trang thiết bị

- Tổng diện tích các khu vực sản xuất, kinh doanh:.....m², trong đó:

+ Khu vực tiếp nhận nguyên liệu/sản phẩm:.....m²;

+ Khu vực sản xuất, kinh doanh.....m²;

+ Khu vực đóng gói, thành phẩm:.....m²;

+ Khu vực/kho bảo quản thành phẩm:.....m²;

+ Khu vực sản xuất, kinh doanh khác:.....m².

- Sơ đồ bố trí mặt bằng sản xuất, kinh doanh (đính kèm bản vẽ sơ đồ):

2. Trang thiết bị chính:

Tên thiết bị	Số lượng	Nước sản xuất	Tổng công suất	Năm bắt đầu sử dụng
.....

3. Hệ thống phụ trợ

- Nguồn nước đang sử dụng:

Nước máy công cộng

Nước giếng khoan

Hệ thống xử lý: Có

Không

Phương pháp xử lý:.....

- Nguồn nước đã sử dụng (nếu có sử dụng):

Tự sản xuất

Mua ngoài

Phương pháp kiểm soát chất lượng nước đá.....

4. Hệ thống xử lý chất thải

Cách thức thu gom, vận chuyển, xử lý:.....

.....

5. Người sản xuất, kinh doanh

- Tổng số:.....người, trong đó:

+ Lao động trực tiếp:.....người.

+ Lao động gián tiếp:.....người.

- Kiểm tra sức khỏe người trực tiếp sản xuất, kinh doanh (nộp danh sách).

- Tập huấn kiến thức về ATTP (nộp danh sách).

6. Vệ sinh nhà xưởng, trang thiết bị

- Tần xuất làm vệ sinh:.....

- Nhân công làm vệ sinh, tổng số người:.....người; trong đó,người của cơ sở và.....đi thuê bên ngoài.

7. Danh mục các loại hóa chất, phụ gia/chất bổ sung, chất tẩy rửa - khử trùng sử dụng

Tên hóa chất	Thành phần chính	Nước sản xuất	Mục đích sử dụng	Nồng độ sử dụng
.....

8. Hệ thống quản lý chất lượng đang sử dụng (HACCP, ISO,...):.....

9. Phòng kiểm nghiệm:

- Của cơ sở: Các chỉ tiêu kiểm nghiệm của cơ sở có thể phân tích:.....

.....

- Thuê ngoài: Tên những phòng kiểm nghiệm gửi phân tích:.....

.....

10. Những thông tin khác

Chúng tôi cam kết các thông tin nêu trên là đúng sự thật./.

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ
(Ký tên, đóng dấu)

2. Thủ tục Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản do hết hạn

- Trình tự thực hiện:

* **Bước 1:** Trước 06 (sáu) tháng, tính đến ngày Giấy chứng nhận an toàn thực phẩm hết hạn, cơ sở nộp hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận an toàn thực phẩm trong trường hợp tiếp tục sản xuất kinh doanh.

* **Bước 2:** Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân quận - huyện vào các ngày làm việc từ thứ hai đến thứ sáu (buổi sáng từ 7g30 - 11g30 và buổi chiều từ 13g00 - 17g00).

* **Bước 3:** Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân quận - huyện tiếp nhận và kiểm tra tính đầy đủ của hồ sơ theo quy định.

Trong thời gian không quá ba (03) ngày làm việc, kể từ khi nhận được hồ sơ, Ủy ban nhân dân quận - huyện thông báo bằng văn bản cho cá nhân, tổ chức biết rõ những nội dung cần điều chỉnh, bổ sung, hoàn thiện hồ sơ (nếu có).

* **Bước 4:** Trong thời gian 15 ngày làm việc, kể từ khi nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, Ủy ban nhân dân quận - huyện thực hiện thẩm tra hồ sơ; kiểm tra, đánh giá phân loại cơ sở do đơn vị đã thực hiện, hoặc tổ chức đi kiểm tra thực tế điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm tại cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm (nếu cần hoặc trong trường hợp cơ sở chưa được kiểm tra, đánh giá phân loại).

Kết quả kiểm tra, đánh giá đạt yêu cầu, Ủy ban nhân dân quận - huyện sẽ cấp Giấy chứng nhận cho cơ sở.

Trường hợp kết quả kiểm tra, đánh giá không đạt, Ủy ban nhân dân quận - huyện phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

* **Bước 5:** Nhận kết quả giải quyết hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân quận - huyện vào các ngày làm việc từ thứ hai đến thứ sáu (buổi sáng từ 7g30 - 11g30 và buổi chiều từ 13g00 - 17g00).

- **Cách thức thực hiện:** Nộp trực tiếp hoặc qua đường bưu điện tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân quận - huyện.

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:

- Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận (theo mẫu tại Phụ lục II của Thông tư số 01/2013/TT-BNNPTNT);

- Bản sao đối chiếu bản chính Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy

chứng nhận đầu tư có ngành nghề sản xuất, kinh doanh thực phẩm hoặc quyết định thành lập;

- Bản thuyết minh về cơ sở vật chất, trang thiết bị, dụng cụ bảo đảm điều kiện an toàn thực phẩm (theo mẫu tại Phụ lục III của Thông tư số 01/2013/TT-BNNPTNT);

- Danh sách chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm đã được các cơ quan có chức năng quản lý chất lượng, an toàn thực phẩm nông lâm thủy sản của ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tập huấn kiến thức về an toàn thực phẩm có xác nhận của cơ sở sản xuất, kinh doanh;

- Danh sách chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm đã được cơ sở y tế cấp quận - huyện trở lên cấp xác nhận đủ sức khỏe;

- Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm - bản chính (đối với trường hợp cơ sở có sự thay đổi, bổ sung thông tin trên Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm).

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

- **Thời hạn giải quyết:** Trong thời hạn không quá mười lăm (15) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức, cá nhân.

- **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Ủy ban nhân dân quận - huyện

- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm.

- **Lệ phí:** Chưa có quy định.

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

+ Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận (theo mẫu tại Phụ lục II của Thông tư số 01/2013/TT-BNNPTNT);

+ Bản thuyết minh về cơ sở vật chất, trang thiết bị, dụng cụ bảo đảm điều kiện an toàn thực phẩm (theo mẫu tại Phụ lục III của Thông tư số 01/2013/TT-BNNPTNT).

- **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Các cơ sở có Giấy đăng ký kinh doanh do Ủy ban nhân dân quận - huyện cấp hoạt động trong lĩnh vực:

+ Sản xuất ban đầu nông, lâm, thủy sản, muối bao gồm: quá trình trồng trọt, chăn nuôi, thu hái, đánh bắt, khai thác nông, lâm, thủy sản; sản xuất muối.

+ Sản xuất, thu gom, giết mổ, sơ chế, chế biến, bảo quản, vận chuyển, kinh doanh thực phẩm đối với ngũ cốc; thịt và các sản phẩm từ thịt; thủy sản và sản phẩm thủy sản; rau, củ, quả và sản phẩm rau, củ quả; trứng và các sản phẩm từ trứng; sữa tươi nguyên liệu; mật ong và các sản phẩm từ mật ong; thực phẩm biến đổi gen; muối, gia vị, đường; chè; cà phê; ca cao; hạt tiêu; điều và các nông sản thực phẩm; dụng cụ, vật liệu bao gói, chứa đựng thực phẩm thuộc lĩnh vực được phân công quản lý.

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

+ Luật An toàn thực phẩm;

+ Nghị định số 38/2012/NĐ-CP ngày ngày 25 tháng 3 năm 2012 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm;

+ Thông tư số 14/2011/TT-BNNPTNT ngày 29 tháng 3 năm 2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn “Quy định việc kiểm tra, đánh giá cơ sở sản xuất kinh, doanh vật tư nông nghiệp và sản phẩm nông lâm thủy sản;

+ Thông tư số 53/2011/TT-BNNPTNT ngày 02 tháng 8 năm 2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về sửa đổi, bổ sung Thông tư số 14/2011/TT-BNNPTNT ngày 29 tháng 3 năm 2011 quy định việc kiểm tra, đánh giá cơ sở sản xuất kinh doanh vật tư nông nghiệp và sản phẩm nông lâm thủy sản.

+ Thông tư số 55/2011/TT-BNNPTNT ngày 03 tháng 8 năm 2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về “Kiểm tra, chứng nhận chất lượng, an toàn thực phẩm thủy sản.

+ Thông tư số 59/2012/TT-BNNPTNT ngày 09 tháng 11 năm 2012 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn “Quy định về quản lý sản xuất rau, quả và chè an toàn”.

+ Thông tư số 01/2013/TT-BNNPTNT ngày 04 tháng 01 năm 2013 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về “Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 14/2011/TT-BNNPTNT ngày 29 tháng 3 năm 2011 quy định việc kiểm tra, đánh giá cơ sở sản xuất, kinh doanh vật tư nông nghiệp và sản phẩm nông lâm thủy sản và thay thế một số biểu mẫu được ban hành kèm theo Thông tư số 53/2011/TT-BNNPTNT ngày 02 tháng 8 năm 2011 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 14/2011/TT-BNNPTNT ngày 29 tháng 3 năm 2011”.

Mẫu đơn**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP/CẤP LẠI****GIẤY CHỨNG NHẬN CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN AN TOÀN THỰC PHẨM***(Ban hành kèm theo Thông tư số 01/2013/TT-BNNPTNT**ngày 04 tháng 01 năm 2013 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)***CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc***Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 20...***ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP/CẤP LẠI****GIẤY CHỨNG NHẬN CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN AN TOÀN THỰC PHẨM**

Kính gửi:.....

1. Tên cơ sở sản xuất, kinh doanh:

.....

2. Địa chỉ cơ sở sản xuất, kinh doanh:.....

.....

3. Điện thoại:Fax:Email:.....

4. Giấy đăng ký kinh doanh hoặc Quyết định thành lập:.....

.....

5. Mặt hàng sản xuất, kinh doanh:.....

.....

Lý do cấp lại:.....

Đại diện cơ sở
(Ký tên, đóng dấu)**Hồ sơ gửi kèm:**-
-
-

Mẫu**BẢN THUYẾT MINH**

Cơ sở vật chất, trang thiết bị, dụng cụ bảo đảm
điều kiện an toàn thực phẩm

(Ban hành kèm theo Thông tư số 01/2013/TT-BNNPTNT
ngày 04 tháng 01 năm 2013 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN THUYẾT MINH

**Cơ sở vật chất, trang thiết bị, dụng cụ bảo đảm
điều kiện an toàn thực phẩm**

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 20....

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở sản xuất, kinh doanh:
2. Địa chỉ:
3. Điện thoại:..... Fax:..... Email:.....
4. Loại hình sản xuất, kinh doanh

<input type="checkbox"/> DN nhà nước	<input type="checkbox"/> DN 100% vốn nước ngoài
<input type="checkbox"/> DN liên doanh với nước ngoài	<input type="checkbox"/> DN cổ phần
<input type="checkbox"/> DN tư nhân	<input type="checkbox"/> Khác:.....

(ghi rõ loại hình)
5. Năm bắt đầu hoạt động:.....
6. Số đăng ký, ngày cấp, cơ quan cấp đăng ký kinh doanh:.....
.....
7. Công suất thiết kế:.....
8. Sản lượng sản xuất, kinh doanh (thống kê 03 năm trở lại đây):.....
9. Thị trường tiêu thụ chính:.....

II. MÔ TẢ VỀ SẢN PHẨM

TT	Tên sản phẩm sản xuất, kinh doanh	Nguyên liệu/sản phẩm chính đưa vào sản xuất, kinh doanh		Cách thức đóng gói và thông tin ghi trên bao bì
		Tên nguyên liệu/sản phẩm	Nguồn gốc/xuất xứ	

...

III. TÓM TẮT HIỆN TRẠNG ĐIỀU KIỆN CƠ SỞ SẢN XUẤT, KINH DOANH

1. Nhà xưởng, trang thiết bị

- Tổng diện tích các khu vực sản xuất, kinh doanh:.....m², trong đó:
 - + Khu vực tiếp nhận nguyên liệu/sản phẩm:.....m²;
 - + Khu vực sản xuất, kinh doanh.....m²;
 - + Khu vực đóng gói, thành phẩm:.....m²;
 - + Khu vực/kho bảo quản thành phẩm:.....m²;
 - + Khu vực sản xuất, kinh doanh khác:.....m².
- Sơ đồ bố trí mặt bằng sản xuất, kinh doanh (đính kèm bản vẽ sơ đồ):

2. Trang thiết bị chính:

Tên thiết bị	Số lượng	Nước sản xuất	Tổng công suất	Năm bắt đầu sử dụng
.....

3. Hệ thống phụ trợ

- Nguồn nước đang sử dụng:
 - Nước máy công cộng
 - Nước giếng khoan
 - Hệ thống xử lý: Có Không
 - Phương pháp xử lý:.....
- Nguồn nước đá sử dụng (nếu có sử dụng):
 - Tự sản xuất
 - Mua ngoài
 - Phương pháp kiểm soát chất lượng nước đá.....

4. Hệ thống xử lý chất thải

Cách thức thu gom, vận chuyển, xử lý:.....

5. Người sản xuất, kinh doanh

- Tổng số:.....người, trong đó:

+ Lao động trực tiếp:.....người.

+ Lao động gián tiếp:.....người.

- Kiểm tra sức khỏe người trực tiếp sản xuất, kinh doanh (nộp danh sách).

- Tập huấn kiến thức về ATTP (nộp danh sách).

6. Vệ sinh nhà xưởng, trang thiết bị

- Tần xuất làm vệ sinh:.....

- Nhân công làm vệ sinh, tổng số người:.....người; trong đó,người của cơ sở và.....đi thuê bên ngoài.

7. Danh mục các loại hóa chất, phụ gia/chất bổ sung, chất tẩy rửa - khử trùng sử dụng

Tên hóa chất	Thành phần chính	Nước sản xuất	Mục đích sử dụng	Nồng độ sử dụng
.....

8. Hệ thống quản lý chất lượng đang sử dụng (HACCP, ISO,...):.....

9. Phòng kiểm nghiệm:

- Của cơ sở: Các chỉ tiêu kiểm nghiệm của cơ sở có thể phân tích:.....

.....

- Thuê ngoài: Tên những phòng kiểm nghiệm gửi phân tích:.....

.....

10. Những thông tin khác

Chúng tôi cam kết các thông tin nêu trên là đúng sự thật./.

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ
(Ký tên, đóng dấu)

3. Thủ tục Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản còn thời hạn hiệu lực nhưng bị mất, bị hỏng, thất lạc, hoặc có sự thay đổi, bổ sung thông tin trên Giấy chứng nhận an toàn thực phẩm

- Trình tự thực hiện:

* **Bước 1:** Chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định của pháp luật.

* **Bước 2:** Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân quận - huyện vào các ngày làm việc từ thứ hai đến thứ sáu (buổi sáng từ 7g30 - 11g30 và buổi chiều từ 13g00 - 17g00).

* **Bước 3:** Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân quận - huyện tiếp nhận và kiểm tra tính đầy đủ của hồ sơ theo quy định.

* **Bước 4:** Nhận kết quả giải quyết hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân quận - huyện vào các ngày làm việc từ thứ hai đến thứ sáu (buổi sáng từ 7g30 - 11g30 và buổi chiều từ 13g00 - 17g00).

- Cách thức thực hiện: Nộp trực tiếp hoặc qua đường bưu điện tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân quận - huyện.

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ, bao gồm: Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận (theo mẫu tại Phụ lục II của Thông tư số 01/2013/TT-BNNPTNT).

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

- Thời hạn giải quyết: 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân quận - huyện

- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm.

- Lệ phí: Chưa có quy định.

- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

+ Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận (theo mẫu tại Phụ lục II của Thông tư số 01/2013/TT-BNNPTNT);

- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

+ Luật An toàn thực phẩm;

+ Nghị định số 38/2012/NĐ-CP ngày ngày 25 tháng 3 năm 2012 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm;

+ Thông tư số 14/2011/TT-BNNPTNT ngày 29 tháng 3 năm 2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn “Quy định việc kiểm tra, đánh giá cơ sở sản xuất kinh, doanh vật tư nông nghiệp và sản phẩm nông lâm thủy sản;

+ Thông tư số 53/2011/TT-BNNPTNT ngày 02 tháng 8 năm 2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về sửa đổi, bổ sung Thông tư số 14/2011/TT-BNNPTNT ngày 29 tháng 3 năm 2011 quy định việc kiểm tra, đánh giá cơ sở sản xuất kinh doanh vật tư nông nghiệp và sản phẩm nông lâm thủy sản;

+ Thông tư số 55/2011/TT-BNNPTNT ngày 03 tháng 8 năm 2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về “Kiểm tra, chứng nhận chất lượng, an toàn thực phẩm thủy sản;

+ Thông tư số 59/2012/TT-BNNPTNT ngày 09 tháng 11 năm 2012 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn “Quy định về quản lý sản xuất rau, quả và chè an toàn”;

+ Thông tư số 01/2013/TT-BNNPTNT ngày 04 tháng 01 năm 2013 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về “Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 14/2011/TT-BNNPTNT ngày 29 tháng 3 năm 2011 quy định việc kiểm tra, đánh giá cơ sở sản xuất, kinh doanh vật tư nông nghiệp và sản phẩm nông lâm thủy sản và thay thế một số biểu mẫu được ban hành kèm theo Thông tư số 53/2011/TT-BNNPTNT ngày 02 tháng 8 năm 2011 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 14/2011/TT-BNNPTNT ngày 29 tháng 3 năm 2011”.

Mẫu đơn**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP/CẤP LẠI****GIẤY CHỨNG NHẬN CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN AN TOÀN THỰC PHẨM***(Ban hành kèm theo Thông tư số 01/2013/TT-BNNPTNT**ngày 04 tháng 01 năm 2013 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)***CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc***Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 20...***ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP/CẤP LẠI****GIẤY CHỨNG NHẬN CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN AN TOÀN THỰC PHẨM**

Kính gửi:.....

1. Tên cơ sở sản xuất, kinh doanh:

.....

2. Địa chỉ cơ sở sản xuất, kinh doanh:.....

.....

3. Điện thoại:Fax:Email:.....

4. Giấy đăng ký kinh doanh hoặc Quyết định thành lập:.....

.....

5. Mặt hàng sản xuất, kinh doanh:.....

.....

Lý do cấp lại:.....

Đại diện cơ sở
(Ký tên, đóng dấu)**Hồ sơ gửi kèm:**-
-
-

II. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG - XÃ, THỊ TRẤN

1. Thủ tục xét duyệt hồ trợ lãi vay khuyến khích chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp đô thị:

- *Trình tự thực hiện:*

* **Bước 1:** Chuẩn bị hồ sơ đầy đủ theo quy định của pháp luật.

* **Bước 2:** Nộp hồ sơ tại bộ phận tiếp nhận hồ sơ thuộc Ủy ban nhân dân phường-xã, thị trấn xác nhận địa điểm đầu tư, từ thứ hai đến thứ sáu (buổi sáng từ 7 giờ 30 đến 11 giờ 30, buổi chiều từ 13 giờ 00 đến 17 giờ 00).

* **Bước 3:** Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân phường-xã, thị trấn tiếp nhận và kiểm tra tính đầy đủ của hồ sơ theo quy định.

+ Trường hợp hồ sơ đã đầy đủ thì viết giấy biên nhận giao cho chủ phương án.

+ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa hợp lệ thì hướng dẫn một lần để người nộp hoàn thiện hồ sơ.

Thời gian trả hồ sơ: Buổi sáng từ 07 giờ 30 đến 11 giờ 30; buổi chiều từ 13 giờ đến 17 giờ 00 mỗi ngày từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần.

- *Cách thức thực hiện:* Nộp trực tiếp tại Ủy ban nhân dân phường-xã, thị trấn.

- *Thành phần, số lượng hồ sơ:*

1. Bản photo (kèm bản chính để đối chiếu) phương án hoặc giấy đề nghị kèm phương án sản xuất có xác nhận đồng ý cho vay vốn của tổ chức cho vay.

2. Đơn đăng ký hỗ trợ lãi vay theo mẫu (Phụ lục 2, Quyết định số 13/2013/QĐ-UBND ngày 20 tháng 3 năm 2013 của Ủy ban nhân dân thành phố).

- *Số lượng hồ sơ:* 01 bộ.

- *Thời hạn giải quyết:*

1. Đối với phương án do Ủy ban nhân dân quận - huyện phê duyệt: 11 ngày làm việc, riêng huyện Cần Giờ là 13 ngày.

+ Tại phường - xã, thị trấn: 03 ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (riêng huyện Cần Giờ là 05 ngày).

+ Tại Hội đồng cấp quận - huyện: 05 ngày, kể từ ngày nhận hồ sơ từ cấp phường - xã, thị trấn.

+ Tại Ủy ban nhân dân quận - huyện: 03 ngày, kể từ khi nhận hồ sơ đề nghị của Hội đồng thẩm định, Ủy ban nhân dân quận - huyện phải xem xét phê duyệt.

2. Đối với phương án do Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt: 26 ngày làm việc.

+ Tại cấp phường - xã, thị trấn: 03 ngày làm việc sau khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

+ Tại Phòng Kinh tế quận - huyện: Trong 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ từ Ủy ban nhân dân phường - xã, thị trấn phải kiểm tra địa điểm đầu tư, đối tượng sản xuất của phương án có phù hợp với quy hoạch của quận - huyện để tham mưu đề xuất Ủy ban nhân dân quận - huyện trình Hội đồng thẩm định thành phố xem xét thẩm định.

+ Tại Ủy ban nhân dân quận - huyện: Trong thời gian 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ từ Phòng Kinh tế, Ủy ban nhân dân quận - huyện phải xem xét trình Hội đồng thẩm định thành phố.

+ Tại Hội đồng thẩm định cấp thành phố: Trong 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ từ Ủy ban nhân dân quận - huyện, Hội đồng thẩm định thành phố phải tổ chức thẩm định, tham mưu trình Ủy ban nhân dân thành phố xem xét phê duyệt.

+ Tại Ủy ban nhân dân thành phố: trong thời gian 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị xem xét của Hội đồng thẩm định thành phố, Ủy ban nhân dân thành phố phải xem xét phê duyệt.

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức, cá nhân.

- **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Ủy ban nhân dân phường - xã, thị trấn

- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Quyết định (phê duyệt phương án được hỗ trợ lãi vay).

- **Lệ phí:** Không có.

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Đơn đăng ký hỗ trợ lãi vay (Phụ lục 2, Quyết định số 13/2013/QĐ-UBND ngày 20 tháng 3 năm 2013 của Ủy ban nhân dân thành phố).

- **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Phương án có xác nhận đồng ý cho vay vốn của tổ chức cho vay.

- **Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

+ Quyết định số 13/2013/QĐ-UBND ngày 20 tháng 3 năm 2013 của Ủy ban nhân dân thành phố về ban hành quy định khuyến khích chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp đô thị giai đoạn 2013 - 2015.

Mẫu đơn**MẪU ĐƠN ĐĂNG KÝ HỖ TRỢ LÃI VAY**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 13/2013/QĐ-UBND ngày 20 tháng 3 năm 2013
của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày ... tháng ... năm 201...

ĐƠN ĐĂNG KÝ HỖ TRỢ LÃI VAY

(Đầu tư nuôi/trồng,))

Kính gửi:

- Ủy ban nhân dân quận/huyện:.....
- Ủy ban nhân dân xã/phường/thị trấn:.....

Họ tên (cá nhân hoặc đại diện tổ chức):sinh năm.....

Tên tổ chức:

Nghề nghiệp/Chức vụ:

Địa chỉ thường trú:.....

Địa chỉ đầu tư:

Số CMND số:.....do: CAcấp

Đối tượng: Hộ nghèo Tổ hợp tác Hợp tác xã

Doanh nghiệp (công ty) Khác (ghi rõ):

Sau khi xem xét Quyết định số/QĐ-UBND ngàythángnăm 201.. của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về ban hành quy định khuyến khích chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp đô thị trên địa bàn thành phố.

Nay tôi làm đơn này (kèm phương án sản xuất đã được tổ chức cho vay đồng ý cho vay vốn) kính trình Ủy ban nhân dân các cấp xem xét giải quyết cho tôi được hỗ trợ lãi vay khi vay vốn để đầu tư chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

Tôi cam kết sử dụng số tiền vay đúng mục đích, hoàn trả vốn và lãi vay đúng thời hạn quy định. Tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu làm sai quy định.

Người vay vốn

(Ký tên, ghi rõ họ tên)

Xác nhận địa điểm đầu tư trên địa bàn

Xã phường

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 10**ỦY BAN NHÂN DÂN
QUẬN 10****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 6116/QĐ-UBND

Quận 10, ngày 05 tháng 8 năm 2013

QUYẾT ĐỊNH**Về công bố văn bản hết hiệu lực thi hành****ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 10**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị quyết số 725/2009/NQ-UBTVQH12 ngày 16 tháng 01 năm 2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XII điều chỉnh nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và quy định nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy của Ủy ban nhân dân huyện, quận, phường;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Theo đề nghị của Trưởng Phòng Tư pháp tại Tờ trình số 148/TP ngày 05 tháng 8 năm 2013,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay công bố 02 văn bản do Ủy ban nhân dân Quận 10 ban hành hết hiệu lực thi hành (theo Danh mục đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 07 ngày, kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Quận 10, Trưởng các phòng, ban,

Chủ tịch Ủy ban nhân dân 15 phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Văn Lưu

**DANH MỤC VĂN BẢN HẾT HIỆU LỰC
DO ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 10 BAN HÀNH
ĐẾN 30/6/2013**

STT	Số, ký hiệu	Ngày ban hành	Trích yếu nội dung	Ngày hết hiệu lực	Lý do hết hiệu lực
Quyết định					
1	7459/QĐ-UB	07/9/2005	Quyết định về việc ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thuộc Phòng Tài nguyên và Môi trường Quận 10	28/02/2013	Thay thế bằng Quyết định số 1621/QĐ-UBND ngày 28/02/2013
2	05/2011/QĐ-UBND	31/3/2011	Quyết định về ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của Phòng Giáo dục và Đào tạo Quận 10.	22/7/2013	Thay thế văn bản bằng Quyết định số 02/2013/QĐ-UBND ngày 16/7/2013

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP**ỦY BAN NHÂN DÂN
QUẬN GÒ VẤP****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 5800/QĐ-UBND

*Gò Vấp, ngày 23 tháng 7 năm 2013***QUYẾT ĐỊNH****Về việc công bố văn bản hết hiệu lực thi hành****CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị quyết số 725/2009/UBTVQH12 ngày 16 tháng 01 năm 2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XII về điều chỉnh nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và quy định nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy của Ủy ban nhân dân huyện, quận, phường nơi không tổ chức Hội đồng nhân dân huyện, quận, phường;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Nghị định số 91/2006/NĐ-CP ngày 06 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân;

Căn cứ Quyết định số 75/2011/QĐ-UBND ngày 21 tháng 11 năm 2011 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quy chế về kiểm tra, xử lý và rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 02/2012/QĐ-UBND ngày 01 tháng 6 năm 2012 của Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp về ban hành Quy chế về kiểm tra, xử lý và rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn quận Gò Vấp;

Theo đề nghị của Trưởng Phòng Tư pháp quận Gò Vấp tại Tờ trình số 138/TTr-PTP ngày 17 tháng 7 năm 2013 về việc công bố văn bản hết hiệu lực thi hành,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay công bố 04 văn bản của Hội đồng nhân dân quận Gò Vấp (*ban hành trước ngày 25 tháng 4 năm 2009*) và 16 văn bản của Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp hết hiệu lực thi hành (*theo Danh mục đính kèm*).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân quận, Trưởng Phòng Tư pháp quận, thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các phường chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

CHỦ TỊCH

Võ Ngọc Quốc Thuận

ỦY BAN NHÂN DÂN
QUẬN GÒ VẤP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH MỤC VĂN BẢN HẾT HIỆU LỰC
DO HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN, ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP BAN HÀNH
(Ban hành kèm theo Quyết định số 5800/QĐ-UBND ngày 23 tháng 7 năm 2013
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp về việc công bố danh mục văn bản hết hiệu lực thi hành)

STT	Số, ký hiệu	Ngày ban hành	Trích yếu nội dung	Ngày hết hiệu lực	Lý do hết hiệu lực
I. NGHỊ QUYẾT CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN QUẬN					
01	38/2006/NQ-HĐND	05/7/2006	Nghị quyết về quy hoạch sử dụng đất đến năm 2010, định hướng đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất 5 năm (2006 - 2010).	31/12/2010	Hết hiệu lực do kết thúc kỳ quy hoạch sử dụng đất, kế hoạch sử dụng đất theo quy định tại Điều 24 Luật Đất đai năm 2003.
02	45/2006/NQ-HĐND	20/12/2006	Nghị quyết về điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng quận Gò Vấp giai đoạn 2006 - 2020.	28/12/2013	Không còn phù hợp với Quyết định số 6705/QĐ-UBND ngày 28 tháng 12 năm 2012 của UBND Thành phố Hồ Chí Minh về phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chung quận Gò Vấp.

03	14/2007/NQ-HĐND	18/12/2007	Nghị quyết về việc thành lập Quỹ đóng góp tự nguyện phát triển cơ sở hạ tầng quận Gò Vấp.	05/3/2008	Không còn phù hợp vì UBND Thành phố Hồ Chí Minh có Công văn 435/UBND-TM ngày 05/3/2008 yêu cầu UBND quận Gò Vấp nộp toàn bộ số tiền còn tồn mà quận đã thu Quỹ xây dựng cơ sở hạ tầng trong thời gian qua vào ngân sách quận. Tất cả các khoản đóng góp mang tính chất tự nguyện của các tổ chức, cá nhân ở trong và ngoài nước để đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng quận được xem là một khoản thu ngân sách của địa phương theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước. Thực hiện chỉ đạo của Thành phố quận đã nộp toàn bộ số tiền thu Quỹ xây dựng cơ sở hạ tầng vào ngân sách quận.
04	22/2008/NQ-HĐND	11/7/2008	Nghị quyết về ban hành Quy chế tổ chức và quản lý các dự án đầu tư mở rộng, nâng cấp hẻm trên địa bàn quận Gò Vấp theo phương thức “Nhà nước và nhân dân cùng làm”.	25/9/2012	Không còn hiệu lực vì Quyết định số 2526/QĐ-UBND ngày 22/7/2008 của Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp về ban hành Quy chế tổ chức thực hiện và quản lý các dự án đầu tư, mở rộng, nâng cấp hẻm trên địa bàn quận Gò Vấp theo phương thức “Nhà nước và nhân dân cùng làm” đã được thay thế bởi Quyết định số 04/2012/QĐ-UBND ngày 18 tháng 9 năm 2012 ban hành Quy chế tổ chức thực hiện và quản lý các dự án đầu tư mở rộng, nâng cấp hẻm trên địa bàn quận Gò Vấp theo phương thức “Nhà nước và nhân dân cùng làm”.

II. QUYẾT ĐỊNH CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN

01	06/1999/QĐ-UB-NC	11/5/1999	Quyết định về việc ban hành quy chế tạm thời về tổ chức, sử dụng và quản lý tủ sách pháp luật ở phường.	02/4/2010	Không còn phù hợp với Quyết định số 06/2010/QĐ-TTg ngày 25 tháng 01 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc xây dựng, quản lý, khai thác tủ sách pháp luật.
02	647/QĐ-UB-NC	28/9/1999	Quyết định về việc phê duyệt quy chế hoạt động của Ban chỉ đạo phòng, chống tội phạm.	27/6/2013	Không còn phù hợp với Quyết định số 4903/QĐ-UBND ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp về việc sáp nhập “Ban Chỉ đạo phòng, chống tội phạm và tệ nạn xã hội quận Gò Vấp” và “Ban Chỉ đạo phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc quận Gò Vấp” thành “Ban Chỉ đạo phòng, chống tội phạm và tệ nạn xã hội quận Gò Vấp”.
03	178/QĐ-UB-NC	15/3/2000	Quyết định về việc ban hành quy chế tổ chức hoạt động của Ban an toàn giao thông quận.	13/10/2011	Không còn phù hợp với Quyết định số 4901/QĐ-BATGT ngày 13 tháng 10 năm 2011 của Ban An toàn giao thông Thành phố Hồ Chí Minh về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban An toàn giao thông thành phố; Quyết định số 939/QĐ-UBND ngày 27 tháng 02 năm 2012 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc kiện toàn Ban An toàn giao thông Thành phố Hồ Chí Minh.

04	186/QĐ-UB-NC	24/3/2000	Quyết định về việc ban hành quy chế tổ chức hoạt động của Hội đồng phối hợp công tác phổ biến giáo dục pháp luật quận.	12/8/2011	Không còn phù hợp với Quyết định số 3807/QĐ-UBND ngày 12 tháng 8 năm 2011 của UBND Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng phối hợp công tác phổ biến giáo dục pháp luật Thành phố Hồ Chí Minh thay thế Quyết định 03/2000/QĐ-UB-NC ngày 20 tháng 01 năm 2000 của UBND thành phố và Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật ngày 20 tháng 6 năm 2012.
05	1026/2002/QĐ-UB	23/12/2002	Quyết định về việc ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của Trung tâm Dạy nghề thuộc UBND quận Gò Vấp.	22/7/2009	Không còn hiệu lực, được thay thế bởi Quyết định số 3016/QĐ-UBND ngày 22 tháng 7 năm 2009 của UBND quận Gò Vấp phê duyệt Điều lệ Trường Trung cấp nghề Quang Trung.
06	1119/QĐ-UB	27/3/2003	Quyết định về việc ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của Trung tâm thể dục thể thao thuộc quận Gò Vấp.	24/12/2007	Không còn hiệu lực, được thay thế bởi Quyết định số 3700/QĐ-UBND ngày 24 tháng 12 năm 2007 của UBND quận Gò Vấp ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trung tâm Thể dục Thể thao.
07	218/2004/QĐ-UB	28/4/2004	Quyết định về việc xây dựng lực lượng dự bị động viên	05/9/2012	Không còn hiệu lực, được thay thế bởi Quyết định số 5267/QĐ-UBND ngày 05 tháng 9 năm 2012 của UBND quận Gò Vấp về việc xây dựng lực lượng dự bị động viên.

08	219/2004/QĐ-UB	28/4/2004	Quyết định về huy động lực lượng dự bị động viên.	05/9/2012	Không còn hiệu lực, được thay thế bởi Quyết định số 5268/QĐ-UBND ngày 05 tháng 9 năm 2012 của UBND quận Gò Vấp về việc huy động lực lượng dự bị động viên.
09	114/2005/QĐ-UB	18/02/2005	Quyết định về ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng giáo dục quốc phòng quận Gò Vấp.	12/8/2007	Không còn phù hợp với Nghị định số 116/2007/NĐ-CP ngày 10 tháng 07 năm 2007 của Chính phủ về giáo dục quốc phòng - an ninh.
10	335/2005/QĐ-UB	20/4/2005	Quyết định về việc ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của Ủy ban nhân dân phường.	27/6/2010	Không còn phù hợp với Quyết định số 38/2010/QĐ-UBND ngày 27 tháng 6 năm 2010 của UBND Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quy chế làm việc (Mẫu) của Ủy ban nhân dân phường thực hiện thí điểm không tổ chức Hội đồng nhân dân.
11	409/2005/QĐ-UB-QLĐT	29/4/2005	Quyết định về việc phê duyệt nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị tỉ lệ 1/2000 phường 12 quận Gò Vấp diện tích 458,5 ha.	24/9/2007	Không còn hiệu lực, được thay thế bởi Quyết định số 2145/QĐ-UBND ngày 24 tháng 9 năm 2007 của UBND quận Gò Vấp về phê duyệt Đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị 1/2000 phường 12 quận Gò Vấp.
12	05/2005/QĐ-UBND	01/11/2005	Quyết định về ban hành, triển khai việc áp dụng hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2000 vào công tác giải quyết hồ sơ hành chính trên địa bàn quận.	06/01/2012	Không còn hiệu lực, được thay thế bởi Quyết định số 07/QĐ-UBND ngày 06 tháng 01 năm 2012 của UBND quận Gò Vấp ban hành, áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo ISO 9001:2000 vào công tác giải quyết hồ sơ hành chính.

13	06/2005/QĐ-UBND	16/12/2005	Quyết định về ban hành quy chế về chế độ thông tin báo cáo.	27/5/2008	Không còn phù hợp với Quyết định số 03/2008/QĐ-UBND ngày 27 tháng 5 năm 2008 của UBND quận Gò Vấp về tổ chức và sắp xếp lại các cơ quan chuyên môn thuộc UBND quận Gò Vấp; không còn phù hợp với chế độ thông tin báo cáo theo từng ngành, từng lĩnh vực của các cơ quan chuyên môn thuộc UBND quận được quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật theo hệ thống ngành dọc.
14	01/2006/QĐ-UBND	11/01/2006	Quyết định về ban hành Quy chế phân công quản lý cho Ủy ban nhân dân phường.	27/6/2010	Không còn phù hợp với Quyết định số 38/2010/QĐ-UBND ngày 27 tháng 6 năm 2010 của UBND Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quy chế làm việc (Mẫu) của Ủy ban nhân dân phường thực hiện thí điểm không tổ chức Hội đồng nhân dân.
15	15/2006/QĐ-UBND	07/4/2006	Quyết định về việc ban hành Quy chế tổ chức hoạt động của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất.	26/4/2010	Không còn hiệu lực, được thay thế bởi Quyết định số 1293/QĐ-UBND ngày 26 tháng 4 năm 2010 của UBND quận Gò Vấp ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất.

III. CHỈ THỊ CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN

01	08/2005/CT-UBND	04/11/2005	Chỉ thị về việc tập trung thực hiện đồng bộ, có hiệu quả kế hoạch hành động khẩn cấp phòng ngừa và đối phó với dịch cúm gia cầm (H5N1) và đại dịch cúm ở người.	27/3/2008	Không còn phù hợp vì UBND Thành phố Hồ Chí Minh có Chỉ thị số 06/2008/CT-UBND ngày 27 tháng 3 năm 2008 về đẩy mạnh các biện pháp phòng, chống dịch cúm gia cầm và cúm A (H5N1) ở người trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh; Chỉ thị số 04/2012/CT-UBND ngày 18 tháng 02 năm 2012 của UBND Thành phố Hồ Chí Minh về tăng cường các biện pháp phòng, chống dịch cúm gia cầm trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.
----	-----------------	------------	---	-----------	--

VĂN PHÒNG UBND THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 86 Lê Thánh Tôn, quận 1

Điện thoại: 38.233.686

Fax: (84.8) 38.233.694

Email: tcb.ubnd@tphcm.gov.vn

Website: www.congbao.hochiminhcity.gov.vn

In tại Xí nghiệp Bản đồ Đà Lạt - Bộ Quốc phòng